



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

8

Tháng 04 - 2010

TRIỂN LÃM GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG THỦ ĐÔ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2010



Lãnh đạo Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội xem mô hình QHC xây dựng thủ đô Hà Nội tại Triển lãm



Quang cảnh Triển lãm

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

8

SỐ 8 - 04/2010



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị 5
- Nghị định số 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị 7
- Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị 8
- Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện 9
- Chỉ thị số 494/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước 11
- Quyết định số 482/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia 12

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: “Thạch cao và sản phẩm thạch cao - Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và sunfua trioxit” 16
 - + Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam: “Cọc ván thép cán nguội và cán nóng - Điều kiện kỹ thuật giao nhận, sai số cho phép” 17
 - + Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam: “Các phương pháp thử vữa cho khối xây” 18
- Sản phẩm ngói lợp gốm sứ cao cấp Trung Đô 20
- Nhà container: Tiện ích và rẻ tiền 22
- Hội thảo “Kinh nghiệm đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và chống ồn đô thị tại Hàn Quốc” 23
- Đổi mới và hoàn thiện cơ chế rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ ở Trung Quốc 25
- Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 29

Thông tin

- Khai mạc Triển lãm Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội 32
- Hội nghị quốc tế “Cách tiếp cận mới và các giải pháp đổi mới hoạt động tư vấn” 34
- Hội nghị “Công bố kết quả rà soát TTHC Giai đoạn II thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng” 36
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2009 và mục tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2010 của Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng 38
- Thị trấn Hậu Nghĩa được công nhận là đô thị loại IV 39
- Thị trấn Ngã Năm - tỉnh Sóc Trăng được công nhận là đô thị loại IV 41
- Công cuộc xây dựng đô thị, nông thôn tỉnh Vân Nam có những sáng tạo mới, phát triển khởi sắc 42
- Bàn về việc hoàn thiện hệ thống quản lý giá thành công trình xây dựng 45

**VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW****Nghị định số 37/2010/NĐ-CP của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị**

Ngày 07/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2010/NĐ-CP quy định về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị; quản lý xây dựng theo quy hoạch; điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị.

Theo Nghị định này, đối với thành phố trực thuộc Trung ương, thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch chung không quá 03 tháng, thời gian lập đồ án không quá 15 tháng; đối với thành phố thuộc tỉnh, thị xã, đô thị mới, thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch không quá 02 tháng và thời gian lập đồ án không quá 12 tháng; đối với thị trấn, thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch không quá 01 tháng và thời gian lập đồ án không quá 09 tháng.

Thời gian lập nhiệm vụ quy hoạch được tính từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn giữa cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc chủ đầu tư với tổ chức tư vấn lập quy hoạch. Thời gian lập đồ án quy hoạch được tính kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

Bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch đô thị do cơ quan quản lý nhà nước về bản đồ cấp hoặc do cơ quan chuyên môn khảo sát, đo đạc lập, đảm bảo yêu cầu về chất lượng và kỹ thuật theo quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ. Các thông tin, dữ liệu của bản đồ địa hình phải đáp ứng yêu cầu phục vụ việc lập quy hoạch đô thị phù hợp với từng loại đồ án quy hoạch đô thị. Trường hợp bản đồ địa hình không phù hợp với hiện trạng tại thời điểm lập quy hoạch thì thực hiện khảo sát đo đạc bổ sung.

Kinh phí cho công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị từ ngân sách nhà nước được cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế hàng năm của ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Kinh phí cho việc lập và

tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị từ nguồn kinh phí của tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư xây dựng được tính vào tổng mức đầu tư của dự án.

Tổ chức tư vấn, cá nhân tham gia lập quy hoạch đô thị phải đáp ứng các điều kiện năng lực. Cá nhân thiết kế quy hoạch đô thị phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch đô thị và cá nhân hành nghề độc lập thiết kế quy hoạch đô thị phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định. Năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị được xác định dựa trên cơ sở năng lực hành nghề của các cá nhân trong tổ chức, kinh nghiệm, trình độ thiết bị và năng lực quản lý của tổ chức.

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư quy hoạch đô thị phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị, kinh tế đô thị; có kinh nghiệm tham gia thiết kế quy hoạch tối thiểu 05 năm và đã tham gia thiết kế ít nhất 05 đồ án quy hoạch đô thị đã được phê duyệt.

Tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị phải có các cá nhân đủ điều kiện năng lực chuyên môn để đảm bảo thực hiện đầy đủ các chuyên ngành về quy hoạch không gian, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế và môi trường đô thị; có cơ sở vật chất và trình độ quản lý để bảo đảm chất lượng đồ án.

Tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị có đủ chủ nhiệm đồ án hạng I và có đủ chủ trì bộ môn chuyên ngành hạng I của các chuyên ngành quy hoạch đô thị thì được lập tất cả các đồ án

quy hoạch đô thị. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị chưa có chủ nhiệm đồ án, chủ trì bộ môn chuyên ngành quy hoạch đô thị được phân hạng theo quy định thì chỉ được lập đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

Tổ chức tư vấn, cá nhân nước ngoài khi tham gia lập quy hoạch đô thị tại Việt Nam phải có giấy phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với tổ chức tư vấn, cá nhân nước ngoài tham gia lập đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ phải được Bộ Xây dựng công nhận sự phù hợp về năng lực của tổ chức tư vấn với công việc được đảm nhận.

Đối với tổ chức tư vấn, cá nhân nước ngoài tham gia lập đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân các cấp phải được cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh công nhận sự phù hợp về năng lực với công việc được đảm nhận.

Việc lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị có thể thông qua hình thức chỉ định thầu hoặc thi tuyển. Trong đó khuyến khích áp dụng hình thức thi tuyển đối với quy hoạch chung các đô thị có quy mô lớn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực có ý nghĩa quan trọng trong đô thị.

Đối với đồ án quy hoạch chung thành phố trực thuộc Trung ương, Nghị định nêu rõ, phải phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển; xác định quy mô dân số, lao động, quy mô đất xây dựng đô thị, các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho toàn thành phố và từng đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn 10 năm, 20-25 năm và xu thế phát triển 50 năm.

Ngoài ra, đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật được lập cho thành phố trực thuộc Trung ương nhằm cụ thể hóa nội dung định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch chung thành phố để đảm bảo đủ cơ

sở lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Nghị định cũng quy định rõ nội dung từng đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật gồm: Đồ án quy hoạch chuyên ngành giao thông đô thị, cao độ nền và thoát nước mặt đô thị, cấp điện, nước, thoát nước thải, xử lý chất thải rắn, chiếu sáng đô thị, nghĩa trang, thông tin liên lạc.

Về trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc trách nhiệm tổ chức lập của mình và nhiệm vụ, đồ án quy hoạch do Thủ tướng Chính phủ giao.

Ngoài các quy hoạch trên, UBND cấp tỉnh trình Bộ Xây dựng thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch từ 15-30 ngày, tùy từng đồ án.

Nghị định cũng dành một mục quy định rõ về quản lý cải tạo đô thị. Theo đó, UBND thành phố trực thuộc Trung ương, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá thực trạng về điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, công cộng để xác định khu vực cần cải tạo trong đô thị. Đồng thời, phải tổ chức lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và các cơ quan có liên quan về nội dung và kế hoạch cải tạo đô thị và công khai chương trình, kế hoạch cải tạo hàng năm để tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện và giám sát thực hiện.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2010 và thay thế các quy định về quy hoạch xây dựng các đô thị và các khu vực trong đô thị của Nghị định số 85/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quy hoạch xây dựng.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghị định số 38/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

Ngày 07/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2010/NĐ-CP quy định về quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Đối tượng áp dụng của Nghị định là các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên lãnh thổ Việt Nam.

Nghị định quy định Chính phủ thống nhất quản lý và phân cấp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị. UBND thành phố, thị xã, thị trấn (chính quyền đô thị) quản lý toàn diện không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. Cơ quan chức năng quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị ở địa phương có trách nhiệm giúp chính quyền đô thị quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải tuân thủ theo quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị và quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Đối với những khu vực đô thị, tuyến phố chưa có quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thì thực hiện quản lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phải phù hợp các quy định trong Nghị định này.

Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải đảm bảo tính thống nhất từ không gian tổng thể đô thị đến không gian cụ thể của đô thị; phải có tính kế thừa kiến trúc, cảnh quan đô thị và phù hợp với điều kiện, đặc điểm tự nhiên, đồng thời tôn trọng tập quán, văn hóa địa phương; phát huy các giá trị truyền thống để gìn giữ bản sắc của từng vùng, miền trong kiến trúc, cảnh quan đô thị.

Việc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị phải căn cứ vào quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải được chính quyền đô thị quy định cụ thể bằng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

Nghị định quy định, mọi tổ chức, cá nhân sinh sống, hoạt động thường xuyên và không thường xuyên trong đô thị có quyền hưởng thụ không gian, cảnh quan, kiến trúc đô thị; đồng thời phải có nghĩa vụ và trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ và chấp hành pháp luật liên quan về khai thác, sử dụng không gian, cảnh quan, kiến trúc đô thị.

Các công trình công cộng có quy mô lớn, công trình có yêu cầu kiến trúc đặc thù, có ý nghĩa và vị trí quan trọng trong đô thị thì phải thực hiện việc thi tuyển hoặc tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc theo quy định trước khi lập dự án đầu tư xây dựng. Nghị định cũng khuyến khích việc tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc đối với các công trình khác trong đô thị.

Việc quản lý không gian đô thị thực hiện theo các khu vực: khu vực đô thị mới phát triển, khu vực bảo tồn; khu vực khác của đô thị; khu vực giáp ranh nội, ngoại thị. Kết hợp điều kiện địa hình, hệ thống cây xanh, mặt nước, giao thông hiện có tạo ra không gian kết nối liên thông trong đô thị, thông gió tự nhiên và cải thiện môi trường đô thị. Các công trình xây dựng phải có hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu sử dụng tuân thủ theo quy chế của khu vực. Khuyến khích xây dựng các khu đô thị mới kiểu mẫu.

Các công trình kiến trúc trong đô thị không được chiếm dụng trái phép không gian đô thị nhằm mục đích tăng diện tích sử dụng công trình. Mặt ngoài công trình kiến trúc đô thị không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người, yêu cầu về vệ sinh và an toàn giao thông.

Nhà ở tại các khu phố cũ, biệt thự, nhà vườn có khuôn viên riêng trong đô thị có trong danh mục bảo tồn phải giữ gìn hình ảnh nguyên trạng, đảm bảo mật độ xây dựng, số tầng, độ cao và kiểu dáng kiến trúc. Nhà ở tại các khu phố cổ có giá trị kiến trúc đặc trưng hoặc đã được xếp hạng về lịch sử, văn hóa thì chính quyền đô thị phải tổ chức nghiên cứu, đánh giá và có giải pháp bảo tồn.

Nhà ở mật phố xây dựng mới không đồng thời thì các nhà xây sau ngoài việc phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt còn phải căn cứ vào cao độ nền, chiều cao tầng 1, chiều cao ban công, chiều cao và độ vươn của ô văng, màu sắc của nhà trước đó đã được cấp phép xây dựng để

tạo sự hài hòa, thống nhất cho toàn tuyến.

Đối với nhà chung cư, nhà tập thể đã quá niên hạn sử dụng, đã xuống cấp thuộc danh mục nhà nguy hiểm, chính quyền đô thị phải có phương án di chuyển các hộ dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, cải tạo, xây dựng mới theo quy hoạch, đảm bảo khả năng kết nối đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, điều kiện vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng đô thị.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2010 và thay thế Nghị định số 29/2007/NĐ-CP về Quản lý kiến trúc đô thị.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghị định số 39/2010/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị

Ngày 07/4/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 39/2010/NĐ-CP về quản lý không gian ngầm đô thị tại các đô thị ở Việt Nam và áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động có liên quan đến không gian xây dựng ngầm tại các đô thị ở Việt Nam.

Theo Nghị định, Chính phủ thống nhất quản lý trên cơ sở giao UBND cấp tỉnh quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị trên địa bàn địa phương. Việc quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị theo nguyên tắc: Không gian xây dựng ngầm đô thị phải được quy hoạch, xây dựng, quản lý và sử dụng. Quy hoạch, phát triển không gian đô thị trên mặt đất phải kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng an toàn và hiệu quả không gian ngầm; Việc sử dụng không gian ngầm để xây dựng công trình ngầm phải bảo đảm sử dụng tiết kiệm đất, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng; Chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở mới và các tuyến đường phố mới xây dựng hoặc các tạo, mở rộng có trách nhiệm đầu tư xây dựng các công trình cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để

bố trí, lắp đặt các đường dây và đường ống kỹ thuật theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với các đô thị cũ, đô thị cải tạo, UBND cấp tỉnh phải có kế hoạch đầu tư xây dựng cống, bể kỹ thuật hoặc hào, tuy nèn kỹ thuật để từng bước hạ ngầm đường dây, cáp nổi.

Việc xây dựng công trình ngầm đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn về xây dựng ngầm, giấy phép xây dựng; không được xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất được xác định theo quyết định giao đất, thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi có nhu cầu xây dựng vượt quá chỉ giới xây dựng hoặc phạm vi sử dụng đất đã được xác định (trừ phần đấu nối kỹ thuật của hệ thống đường dây, đường ống ngầm) thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Việc xây dựng công trình ngầm đô thị phải bảo đảm an toàn cho cộng đồng, cho bản thân công trình và các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng, khai thác, vận hành của các công trình lân cận cũng như các công trình đã có hoặc đã xác định trong quy hoạch đô thị.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng ngầm tuân thủ theo quy định của pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài được nhà nước cho thuê đất phải trả tiền thuê đất đối với trường hợp xây dựng công trình ngầm đô thị nhằm mục đích kinh doanh; được xem xét miễn hoặc giảm tiền thuê đất đối với trường hợp xây dựng công trình ngầm đô thị không nhằm mục đích kinh doanh.

Theo Nghị định này, Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch không gian xây dựng công trình ngầm; đầu tư xây dựng các công trình ngầm theo các hình thức đầu tư thích hợp. Các loại công trình được khuyến khích đầu tư xây dựng bao gồm: công trình giao thông ngầm và bãi đỗ xe ngầm; công trình đầu mối kỹ thuật ngầm; cống, bể kỹ thuật, hào, tuy nèn kỹ thuật.

Các hành vi bị cấm trong xây dựng công trình ngầm đô thị bao gồm: xây dựng công trình ngầm đô thị sai quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch không gian xây dựng ngầm, sai giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng; vi phạm hành lang an toàn và phạm vi bảo vệ công trình ngầm; tham gia hoạt động xây dựng mà không đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; vi phạm các quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình ngầm; các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị ...

Nghị định quy định rõ trước khi khởi công xây dựng công trình ngầm, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định. Khi cấp phép xây dựng trên mặt đất có phần ngầm, trong giấy phép xây dựng phải quy định phạm vi phần ngầm công trình, số tầng hầm, tổng độ sâu các tầng hầm và các bộ phận công trình nằm dưới mặt đất.

Đối với các công trình giao thông ngầm, công cộng ngầm, tuy nèn và các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm thì công tác khảo sát xây dựng phải cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thống số kỹ thuật về các công trình trên mặt đất hiện có, các điều kiện địa chất, thủy văn để có biện pháp xử lý thích hợp.

Khi thi công công trình ngầm, chủ đầu tư phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình. Có các biện pháp nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước ngầm và môi trường địa chất đô thị.

Các tổ chức và cá nhân khai thác, sử dụng đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn đô thị có trách nhiệm phối hợp, tham gia và phải đóng góp kinh phí để thực hiện việc hạ ngầm đường dây, cáp đi nổi theo kế hoạch chung của ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/5/2010 và thay thế Nghị định số 41/2007/NĐ-CP về xây dựng ngầm đô thị.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện

Ngày 08/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 34/2010/QĐ-TTg ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Quy định này áp dụng cho việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện, trừ các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Ngoài những nội

dung tại Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác có liên quan.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư bị thu hồi đất (tại vùng lòng hồ, vị trí xây dựng đập, các công trình đầu mối, công trình phụ trợ và nơi xây dựng khu, điểm tái định cư), bị thiệt hại tài sản gắn liền với đất bị thu hồi để thực hiện dự án thủy lợi, thủy điện.

Theo Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện phải đảm bảo nguyên tắc chung là người dân tái định cư có chỗ ở, cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng; cuộc sống vật chất và văn hoá tinh thần ngày càng tốt hơn nơi ở cũ, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng chung của địa phương. Đảm bảo hài hoà lợi ích giữa người dân tái định cư với người dân sở tại; quá trình thực hiện đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

Về việc xử lý chênh lệch giá trị đất nơi đi và nơi đến, nếu giá trị đất ở, đất sản xuất được giao thấp hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư được nhận phần giá trị chênh lệch. Trường hợp ngược lại, nếu giá trị đất ở, đất sản xuất được giao cao hơn giá trị đất ở, đất sản xuất bị thu hồi thì hộ tái định cư không phải nộp thêm phần giá trị chênh lệch.

Diện tích đất để tính bồi thường do UBND cấp tỉnh quy định căn cứ vào quy hoạch và hạn mức giao đất của địa phương. Trường hợp người có đất bị thu hồi có giấy tờ hợp pháp xác định được diện tích sử dụng, đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất thì được tính bồi thường theo diện tích đất bị thu hồi. Trường hợp

người có đất bị thu hồi có đủ điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất nhưng trong giấy tờ đó không xác định rõ diện tích đất sử dụng thì diện tích đất để tính bồi thường được căn cứ vào biên bản xác nhận có chữ ký của chính quyền xã, Chủ tịch Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng và chủ sử dụng đất.

Hộ tái định cư thuộc đối tượng của Quy định này được bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

Các chính sách hỗ trợ tại Quy định này bao gồm hỗ trợ xây dựng nhà ở, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ sản xuất và các hỗ trợ khác.

Theo đó, hộ tái định cư tập trung, hộ tái định cư xen ghép, hộ sở tại bị thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư, ngoài số tiền nhận bồi thường thiệt hại về nhà ở, công trình phụ, vật kiến trúc kèm theo nhà ở tại nơi ở cũ còn được hỗ trợ tiền để làm nhà ở. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu hợp pháp tương đương chi phí xây dựng 5m² sàn nhà cấp IV.

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ bị thu hồi toàn bộ đất ở, đất sản xuất phải di chuyển chỗ ở được hỗ trợ lương thực trong thời gian 48 tháng; hộ bị thu hồi từ 30% - 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng hợp pháp được hỗ trợ lương thực trong thời gian 24 tháng; hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp (được giao hoặc giao khoán) được hỗ trợ lương thực trong thời gian 36 tháng. Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương 30kg gạo/khẩu/ tháng.

Mỗi nhân khẩu hợp pháp của hộ tái định cư còn được hỗ trợ y tế một lần để phòng chống dịch bệnh tại nơi ở mới với mức hỗ trợ 30.000đồng/khẩu. Mỗi học sinh phổ thông thuộc hộ tái định cư được hỗ trợ bằng tiền tương đương 01 bộ sách giáo khoa, không thu tiền học phí trong năm học đầu tiên tại nơi ở mới và được miễn các khoản đóng góp xây dựng trường trong 3 năm học liên tục tính từ khi bắt đầu học tập tại nơi ở mới.

Hộ tái định cư được hỗ trợ tham quan điểm tái định cư, gồm chi phí thuê phương tiện, ăn, ở trong thời gian tham quan, được hỗ trợ kinh phí làm thủ tục rời nhà cũ, nhận nhà mới với mức 300.000đồng/hộ, được thưởng bằng tiền một lần với mức không quá 5.000.000 đồng/hộ nếu di chuyển theo đúng kế hoạch, tiến độ thông báo của Hội đồng bồi thường. Hộ gia đình có

người đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước được hỗ trợ một lần với mức 2.000.000 đồng/người hưởng trợ cấp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2010.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Chỉ thị số 494/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước

Ngày 20/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 494/CTT-TTg về việc sử dụng vật tư, hàng hóa sản xuất trong nước trong công tác đấu thầu các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước. Tại văn bản này, Thủ tướng Chính phủ chỉ thị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, chủ đầu tư các dự án sử dụng vốn nhà nước, các cơ quan, đơn vị tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu sử dụng vốn nhà nước thực hiện các nội dung sau:

- Khi phân chia các gói thầu thuộc dự án, đề án, chương trình, dự toán đối với việc mua sắm thường xuyên sử dụng vốn nhà nước, ngoài việc phải căn cứ tính chất kỹ thuật, trình tự thực hiện, bảo đảm tính đồng bộ của dự án, cần bảo đảm gói thầu có quy mô hợp lý, phù hợp với năng lực của nhà thầu trong nước, bảo đảm các điều kiện cạnh tranh tối đa cho doanh nghiệp trong nước nhận được hợp đồng, tạo công ăn việc làm cho lao động trong nước.

- Đối với đấu thầu mua sắm hàng hóa, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi hàng hóa, vật tư, thiết bị trong nước không đáp ứng được yêu cầu của gói thầu hoặc trong nước chưa đủ khả năng

sản xuất hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc các dự án sử dụng vốn ODA.

- Đối với các gói thầu xây lắp, chỉ tổ chức đấu thầu quốc tế khi nhà thầu trong nước không có khả năng đáp ứng yêu cầu hoặc đã tổ chức đấu thầu trong nước nhưng không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ đối với những gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn ODA. Trong trường hợp này cần có cơ chế khuyến khích các nhà thầu trong nước liên danh với các nhà thầu quốc tế để học hỏi thêm kinh nghiệm và tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

- Khi tổ chức lựa chọn nhà thầu, trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải đưa ra yêu cầu về việc chào thầu bằng đồng Việt Nam đối với các chi phí trong nước; chỉ cho phép nhà thầu chào thầu bằng ngoại tệ đối với các nội dung chi phí có nguồn gốc từ nước ngoài khi trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu mà nhà thầu phải nhập khẩu từ nước ngoài.

- Nghiêm cấm các chủ đầu tư, bên mời thầu khi lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu cho phép sử dụng lao động nước ngoài khi lao động trong nước đủ khả năng đáp ứng được yêu cầu thực hiện gói thầu.

- Nghiêm cấm việc tổ chức đấu thầu quốc tế

gói thầu EPC đối với các dự án trong đó có nhiều phần công việc mà các nhà thầu Việt Nam có thể tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa, xây lắp.

Tại Chỉ thị này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn, đôn đốc,

kiểm tra, thanh tra các chủ đầu tư, bên mời thầu trong việc thực hiện; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý nghiêm các trường hợp không thực hiện đúng Chỉ thị này.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 482/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia

Ngày 14/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 482/QĐ-TTg ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại khu vực biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia.

Vùng biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia được quy định tại Quyết định này bao gồm các tỉnh của Việt Nam có một phần địa giới hành chính trùng với đường biên giới đất liền Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia. Cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế đối ngoại vùng biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia tại Quyết định này không áp dụng đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu.

Theo Quyết định này, ưu tiên đầu tư bằng vốn hỗ trợ hợp tác với Lào và Campuchia hàng năm từ ngân sách trung ương và vốn ODA dành cho các tỉnh của Việt Nam có biên giới với Lào, Campuchia để hỗ trợ xây dựng các khu liên kiểm của các cửa khẩu chính và cửa khẩu quốc tế, các tuyến đường thuộc khu vực cửa khẩu nối cửa khẩu chính, cửa khẩu quốc tế với các trục đường chính, mở đường tuần tra biên giới, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, kiểm soát và tăng cường giao lưu kinh tế; Các dự án chợ biên giới được ưu tiên hỗ trợ vốn đầu tư từ

ngân sách nhà nước. Riêng chợ biên giới tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% tổng số vốn đầu tư xây dựng/chợ, đối với địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng số vốn đầu tư xây dựng/chợ; Các dự án hạ tầng thường mại tại khu vực biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, kho bảo quản hàng hóa được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP; Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho các cơ quan kiểm soát liên ngành tại cửa khẩu; Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất dành cho học sinh Lào, Campuchia của các cơ sở đào tạo từ bậc cao đẳng trở lên thuộc các tỉnh biên giới có đào tạo giúp Lào, Campuchia từ 30 cán bộ, học sinh mỗi năm trở lên; Hỗ trợ bổ sung từ ngân sách trung ương cho mỗi tỉnh biên giới từ 2-3 tỷ đồng/năm để đào tạo cán bộ, học sinh Lào, Campuchia; Ưu tiên, khuyến khích thực hiện các dự án quân, dân y kết hợp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm; đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến xã tại các huyện, xã biên giới và thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân nước bạn Lào, Campuchia sống ở vùng biên giới sang khám, chữa bệnh ở Việt Nam...

Các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư tại các tỉnh được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này và các tỉnh của Lào, Campuchia có biên giới đất liền với Việt Nam được hưởng các chính sách ưu đãi.

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư tại các tỉnh của Lào, Campuchia có đường biên giới đất liền với Việt Nam sẽ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chính thức giới thiệu với các cơ quan có thẩm quyền tại Lào, Campuchia, được áp dụng một số cơ chế, chính sách ưu đãi tại bản "Thỏa thuận Hà Nội năm 2007" ký giữa Việt Nam và Lào ngày 14/9/2007, với Campuchia và Lào tại bản thỏa thuận "Cơ chế ưu đãi đặc biệt tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam ngày 26/11/2008. Chủ đầu tư đảm bảo các điều kiện vay vốn theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước và có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng 15% tổng mức vốn đầu tư của dự án được vay vốn tín dụng của Nhà nước tại Ngân hàng phát triển. Mức lãi suất tín

dụng đầu tư được thực hiện theo quy định hiện hành. Riêng đối với các dự án được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư sẽ được áp dụng hình thức bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với các dự án do doanh nghiệp Việt Nam là chủ sở hữu 100% vốn, được Bộ Tài chính bảo lãnh cho chủ đầu tư các khoản vay trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án và được miễn phí bảo lãnh.

Doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư tại các tỉnh biên giới của Việt Nam với Lào, Campuchia nếu đáp ứng điều kiện xuất khẩu ít nhất 50% giá trị hàng hóa sản xuất sang Lào hoặc Campuchia hoặc nhập khẩu 100% nguyên liệu chính từ Lào, Campuchia được hưởng các cơ chế tín dụng đầu tư của Nhà nước với mức vốn vay và bảo lãnh tối đa theo quy định hiện hành và được áp dụng các ưu đãi khác như đối với việc đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 07/4/2010, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/4/2010.

Theo Quy chế này, việc đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng đối với các trường hợp: Đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân; Đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, trừ trường hợp đất xây dựng nhà chung cư cao tầng cho công nhân khu

công nghiệp; Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; Sử dụng quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; Sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; Sử dụng đất vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

Việc đấu giá quyền sử dụng đất cũng được áp dụng đối với việc cho thuê đất để thực hiện dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê do người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thực hiện; Giao đất theo hình thức khác nay chuyển sang giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất; trừ trường hợp không thay đổi chủ sử dụng đất; Cho thuê đất bao gồm cả cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.

Các thửa đất được tổ chức đấu giá phải đáp ứng các điều kiện như: Đã có quy hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc kế hoạch sử dụng đất chi tiết; quy hoạch xây dựng chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, xây dựng; Đất trống, đã hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; Có phương án đấu giá đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc kế hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch xây dựng chi tiết thì căn cứ vào ý kiến về các chỉ tiêu quy hoạch của cấp có thẩm quyền theo phân cấp của ủy ban nhân dân thành phố đối với từng thửa đất.

Theo Quy chế này, các đối tượng không được tham gia đấu giá bao gồm: người điều hành phiên đấu giá; thành viên Hội đồng đấu giá; thành viên Tổ chuyên viên trực thuộc Hội đồng đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá quyền sử dụng đất, tiền thuê đất; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người này.

Các đối tượng được tham gia đấu giá theo 3

Quy chế này được đăng ký tham gia đấu giá khi có đủ các điều kiện sau:

- Có đơn đề nghị được tham gia đấu giá theo mẫu do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất phát hành, trong đó có nội dung cam kết sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch khi trúng đấu giá.

- Điều kiện về vốn và kỹ thuật hoặc khả năng tài chính: Đối với tổ chức phải có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật; Đối với cá nhân phải có đủ điều kiện về khả năng tài chính để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trường hợp đấu giá đất đã chia lô, thửa đất làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thì cá nhân tham gia đấu giá không cần điều kiện này.

- Trong một gói đấu giá: một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; có 02 (hai) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một Tổng công ty thì chỉ một doanh nghiệp được tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp đầu tư theo hình thức liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá.

- Các đối tượng tham gia đấu giá phải thực hiện đầy đủ các thủ tục hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá và nộp các khoản tiền theo quy định.

Phương án đấu giá quyền sử dụng đất do ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với những trường hợp do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất thành phố tổ chức đấu giá hoặc ủy ban nhân dân quận, huyện đối với những thửa đất do ủy ban nhân dân quận, huyện tổ chức đấu giá.

Sau khi phương án đấu giá được duyệt và trước khi tiến hành đấu giá 30 ngày, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất thông báo công khai thửa đất tổ chức đấu giá ít nhất 2 lần trong thời gian 2 tuần trên Báo Sài Gòn Giải phóng và một số phương tiện thông tin đại chúng khác (do Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất quyết

định), thông báo được niêm yết công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá, trụ sở ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn nơi có thửa đất đấu giá và ngay tại vị trí thửa đất.

Nội dung thông báo công khai gồm: địa điểm, diện tích, mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, quy hoạch xây dựng chi tiết, thời hạn sử dụng đất, giá khởi điểm đưa ra đấu giá; thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá; thời gian, địa điểm tiến hành đấu giá và các thông tin khác có liên quan đến thửa đất.

Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo kết quả trúng đấu giá, có các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Người trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích. Tuân thủ theo quy hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc các chỉ tiêu quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tiến độ đầu tư xây

dựng đã được quy định trong hồ sơ đấu giá; bảo đảm thời gian bắt đầu triển khai dự án đầu tư không quá 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày được nhận bàn giao đất trống. Trường hợp phải kéo dài thời gian này phải được ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận.

Căn cứ vào quyết định phê duyệt kết quả đấu giá và giấy xác nhận đã nộp đủ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất của người trúng đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc ủy ban nhân dân quận, huyện theo thẩm quyền được phân cấp có trách nhiệm bàn giao đất trên thực địa, làm thủ tục cấp hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định. Thời hạn thực hiện là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam: “Thạch cao và sản phẩm thạch cao - Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và sunfua trioxit”

Ngày 26/3/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu các kết quả của đề tài nghiên cứu biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam: “Thạch cao và sản phẩm thạch cao - Phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết và sunfua trioxit”.

Thạch cao và sản phẩm thạch cao (TC&SPTC) hiện đang là loại VLXD chiếm ưu thế trên thị trường VLXD. Thạch cao tự nhiên có công thức hoá học là $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$ đang được tiêu thụ với số lượng lớn trong sản xuất xi măng.

Khác với thạch cao tự nhiên, trong sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ thạch cao (SPTC), để đạt được các mục đích kỹ thuật, thạch cao tự nhiên đã được chế biến bằng các quá trình gia nhiệt (sấy, nung) và phối trộn với một số phụ gia khác. Bởi vậy, so với nguyên liệu thạch cao ban đầu, thành phần hoá học của SPTC cũng có rất nhiều thay đổi.

Đối với TC&SPTC, hàm lượng sunfua trioxit (SO_3) và hàm lượng nước liên kết luôn được xem là các chỉ tiêu quan trọng nhất, được quy định trong các yêu cầu kỹ thuật và là cơ sở để phân loại TC&SPTC.

Trong các tiêu chuẩn thế giới (ASTM, ISO, GOST), hàm lượng nước liên kết trong mẫu TC&SPTC luôn là chỉ tiêu được xác định đầu tiên trong toàn bộ quá trình phân tích thành phần hoá học bởi với số liệu nhận được có thể đánh giá sơ bộ về sản phẩm.

Để đảm bảo tính đúng đắn trong công tác quản lý chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chỉ tiêu hàm lượng sunfua trioxit và nước liên kết của TC&SPTC cần phải được tiêu chuẩn hoá một cách chặt chẽ và khoa học.

Trong hệ thống tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam đã có Tiêu chuẩn TCXD 168:1989: “Thạch cao dùng để sản xuất xi măng”, trong đó có đề cập đến phương pháp xác định hàm lượng nước liên kết, thạch cao và sunfua trioxit. Tiêu chuẩn này được ban hành đã khá lâu, dựa trên các tiêu chuẩn cơ sở sản xuất và vào thời điểm số lượng và chủng loại các SPTC đang còn ở mức độ khiêm tốn.

Các tiêu chuẩn của nước ngoài về phương pháp phân tích hoá học dành riêng cho đối tượng mẫu thạch cao cũng khá khiêm tốn, nhưng nhìn chung về cách tiến hành thực nghiệm cho các chỉ tiêu cơ bản (nước kết tinh và sunfua trioxit) về cơ bản là giống nhau. Tuy nhiên, việc thử nghiệm theo các tiêu chuẩn này tại các phòng thí nghiệm trong nước chưa được phổ biến và chưa có tính thống nhất cao.

Trong quá trình biên soạn dự thảo Tiêu chuẩn, nhóm tác giả đã sử dụng một số tài liệu, tiêu chuẩn trong và ngoài nước làm cơ sở cho việc nghiên cứu và biên soạn, đồng thời cũng kết hợp với thực nghiệm kiểm chứng và đề xuất một quy trình phân tích tối ưu nhất, có khả năng áp dụng với điều kiện của các phòng thí nghiệm hiện có. Nhóm tác giả cũng đã tham khảo ý kiến của các đơn vị nhập khẩu, sử dụng, quản lý chất lượng TC&SPTC.

Phạm vi áp dụng của Tiêu chuẩn là xác định hàm lượng nước liên kết và hàm lượng sunfua trioxit có trong mẫu TC&SPTC.

Khác với một số tiêu chuẩn về phân tích thành phần hoá học VLXD trước đây, trong dự thảo Tiêu chuẩn có sử dụng định nghĩa về “mẫu nguyên bản” nhằm đảm bảo tính chuẩn xác của

các kết quả thử nghiệm và đúng đối tượng cần phân tích.

Do tính chất của TC&SPTC, phần chuẩn bị mẫu cũng có nhiều khác biệt so với các tiêu chuẩn phân tích hoá học trước đây và có nhiều phần việc chuẩn bị khác nhau dành cho các loại mẫu khác nhau. Cụ thể, bao gồm các phần: Hướng dẫn chung trong chuẩn bị thử nghiệm; hướng dẫn cụ thể cho mẫu thạch cao và cho mẫu là SPTC.

Phương pháp thử xác định hàm lượng nước liên kết nêu ra quy trình phân tích xác định hàm lượng nước nội phân tử của thạch cao ($\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$) hoặc SPTC ($\text{CaSO}_4 \cdot n\text{H}_2\text{O}$). Cơ sở khoa học của phương pháp dựa trên giản đồ phân huỷ nhiệt của thạch cao.

Trong một số trường hợp, từ giá trị hàm lượng nước liên kết, về mặt lý thuyết, có thể tính toán hàm lượng thạch cao nguyên chất ($\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$) hoặc canxi sunphat hemihydrat ($\text{CaSO}_4 \cdot 1/2\text{H}_2\text{O}$). Trong dự thảo tiêu chuẩn

cũng có đề cập đến cách quy đổi với tính chất tham khảo.

Khác với các tiêu chuẩn phân tích hoá học VLXD trước đây, trong phần thực hiện tính toán kết quả, ngoài công thức tính toán hàm lượng sunfua trioxit tổng số từ các lượng cân, dự thảo Tiêu chuẩn có đề cập đến hướng dẫn tính toán hàm lượng các chất $\text{CaSO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$; $\text{CaSO}_4 \cdot 1/2\text{H}_2\text{O}$; CaSO_4 ; SO_3 dư thừa với tính chất tham khảo, giúp cán bộ phân tích và khách hàng có được các phán đoán sơ bộ về nguồn gốc, tính chất của loại vật liệu.

Dự thảo Tiêu chuẩn sau khi được nghiệm thu và đưa vào áp dụng sẽ là tiêu chuẩn thống nhất chung về phân tích hoá học cho nhóm vật liệu TC&SPTC.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc.

Huỳnh Phước

Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam: "Cọc ván thép cán nguội và cán nóng - Điều kiện kỹ thuật giao nhận, sai số cho phép"

Ngày 22/4/2010, Hội đồng KHCHN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài biên soạn Tiêu chuẩn Việt Nam: "Cọc ván thép cán nguội và cán nóng - Điều kiện kỹ thuật giao nhận, sai số cho phép" do TS. Đỗ Đình Đức - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chủ trì thực hiện.

Cọc ván thép (cán nguội và cán nóng) ngày càng được sử dụng rộng rãi trong xây dựng dân dụng và công nghiệp. Với ưu điểm nổi bật của cọc ván thép như khả năng chịu ứng suất động khá cao, khả năng chịu lực lớn trong khi trọng lượng khá bé, có thể nối dễ dàng bằng mối nối hàn hoặc bulông nhằm gia tăng chiều dài; có thể sử dụng nhiều lần... có hiệu quả kinh tế cao. Chính vì vậy, cọc ván thép đã và đang được sử dụng làm tường chắn các hố đào để xây dựng

tầng hầm các công trình cao tầng, tường chắn trong xây dựng các công trình ngầm đô thị như các lối vượt ngầm, hầm để xe các loại, tường chắn vĩnh cửu cho một số cầu cảng loại nhỏ v.v... tại Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về cọc ván thép. Mặt khác, khi Việt Nam đang hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế thế giới, một trong những nhiệm vụ rất quan trọng của ngành Xây dựng và cũng là đòi hỏi của quá trình hội nhập là dỡ bỏ rào cản kỹ thuật, soát xét và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đồng bộ, hiện đại, hài hoà và tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội chuyển dịch tiêu chuẩn châu Âu EN 12049 và

EN 12048 sang TCVN: "Cọc ván thép cán nguội và cán nóng - Điều kiện kỹ thuật giao nhận, sai số cho phép".

Để đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống, phương pháp thực hiện của đề tài là bám sát nội dung và được trình bày giống như tiêu chuẩn gốc.

Nội dung của dự thảo tiêu chuẩn cho cọc ván thép cán nguội và cán nóng bao gồm:

- Điều kiện kỹ thuật giao nhận gồm: Các thông tin do bên đặt hàng cung cấp; Khối lượng tính toán của cọc ván thép; Phân loại và ký hiệu cọc ván thép; Các yêu cầu kỹ thuật đối với cọc ván thép; Các quy định về kiểm tra và thí nghiệm đối với các cọc ván thép; Quy định về đánh nhãn cho sản phẩm; các lựa chọn của bên đặt hàng.

- Sai số cho phép: Các quy định về kiểm soát sai số của cọc ván thép; Sai số về chiều cao tiết diện cọc ván thép; Sai số bề rộng; Sai số bề dày; Sai số về độ thẳng; Sai số về chiều dài; Sai số về độ vuông góc ở 2 đầu cọc; Sai số về góc tạo bởi bản bụng của cọc ván thép và phương ngang; Sai số về khối lượng cọc ván thép; Yêu cầu về khớp nối cọc ván thép; Các lựa chọn của bên đặt hàng.

Để áp dụng tiêu chuẩn châu Âu vào điều kiện Việt Nam, nhóm nghiên cứu đã cố gắng chuyển dịch tiêu chuẩn này cho tương thích với

thực tiễn Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế nhằm giúp các nhà sản xuất, doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng nhanh chóng tiếp cận hệ thống Eurocode.

Theo đánh giá của TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường Bộ Xây dựng - Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, đây là bộ tiêu chuẩn có ý nghĩa thực tiễn cao. Nhưng do toàn bộ dự thảo được chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt nên không tránh khỏi những sai sót trong sử dụng thuật ngữ chuyên ngành. Thông qua những đóng góp và ý kiến bổ sung của thành viên trong Hội đồng, nhóm biên soạn sẽ tiếp tục chỉnh sửa và gửi dự thảo cho 10 đơn vị gồm các Trường, Viện, Hiệp hội, các phòng thí nghiệm trong và ngoài ngành XD... để lấy ý kiến đóng góp, sớm hoàn chỉnh bộ tiêu chuẩn để ban hành áp dụng.

Sau khi hoàn chỉnh và ban hành, tiêu chuẩn "Cọc ván thép cán nguội và cán nóng - Điều kiện kỹ thuật giao nhận, sai số cho phép" sẽ giúp các nhà tư vấn, các nhà sản xuất và các nhà thi công có một tiêu chuẩn hướng dẫn hoàn chỉnh và thống nhất.

Hội đồng KHCN chuyên ngành đã nghiệm thu và đánh giá đề tài xếp loại Xuất sắc.

Minh Tâm

Dự thảo tiêu chuẩn Việt Nam: "Các phương pháp thử vữa cho khối xây"

Ngày 22/4/2010, Hội đồng Khoa học kỹ thuật chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn: "Các phương pháp thử vữa cho khối xây" do TS. Nguyễn Cao Dương – Viện KHCN Xây dựng làm Chủ nhiệm đề tài.

Thay mặt nhóm biên soạn ThS. Hoàng Anh Giang – Viện KHCN Xây dựng đã báo cáo tóm tắt kết quả đề tài. Dự thảo tiêu chuẩn dài 71 trang, được chuyển dịch từ tiêu chuẩn châu Âu

BS EN 1015, gồm các phần 10, 11, 12, 17, 18, 19, 21 tương ứng với: Xác định khối lượng thể tích khô của vữa đã đóng rắn, xác định cường độ chịu uốn và cường độ chịu nén của vữa đã đóng rắn, xác định cường độ bám dính của vữa trát mặt và vữa trát lót đã đóng rắn trên bề mặt lớp vật liệu nền, xác định hàm lượng clorua hoà tan trong nước của vữa tươi, xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đã đóng rắn, xác

định độ thấm hơi nước của vữa trát lót và vữa trát mặt đã đóng rắn và xác định tính tương hợp của các loại vữa trát lót một lớp với các bề mặt vật liệu nền. Bố cục trình bày từng phần của tiêu chuẩn gồm có các mục sau: phạm vi áp dụng, tài liệu viện dẫn, nguyên tắc, các định nghĩa và ký hiệu, thiết bị, lấy mẫu, chuẩn bị và bảo quản mẫu quy trình thử, tính toán và trình bày kết quả và báo cáo kết quả. Tiêu chuẩn được thực hiện dựa trên việc bám sát nội dung, phương pháp trình bày và chuyển dịch gần như nguyên bản với tiêu chuẩn gốc, chỉ lược bớt các phần nói đầu có liên quan đến các quy định hướng dẫn có tính chất nội bộ của các nước thành viên châu Âu. Trong quá trình thực hiện nhóm biên soạn đặc biệt chú ý tới các điều kiện khí hậu chuẩn dùng trong đo lường và thử nghiệm của Việt Nam để thay thế các điều kiện khí hậu chuẩn trong tiêu chuẩn gốc như điều kiện bảo dưỡng mẫu thử trong các phần của tiêu chuẩn gốc đều lấy nhiệt độ lưu giữ mẫu ở $20^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$, khi chuyển dịch, điều kiện này đã được thay bằng $27^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ theo quy định của TCVN 1996:77 - Điều kiện khí hậu chuẩn dùng trong đo lường và thử nghiệm. Hay điều kiện bảo dưỡng thử theo nhiệt độ $27^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ tương tự như trong các phần của TCVN 3121-2003. Ngoài ra, còn tham khảo các thuật ngữ đã có trong các tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật hiện hành có liên quan, để có sự thống nhất chung, làm rõ hơn nội dung và ý nghĩa sử dụng của các tiêu chuẩn chuyển dịch.

Trong 7 phương pháp thử vữa cho khối xây, nhìn chung mẫu vữa được sử dụng phải là mẫu vữa tươi và có thể tích ít nhất là 1,5 lít hoặc 1,5 lần lượng vữa cần làm thử nghiệm. Lượng vữa tươi này phải được lấy từ lượng mẫu thử gộp bằng dụng cụ chia mẫu hoặc theo phương pháp chia tư hoặc được trộn từ hỗn hợp vữa khô và nước trong phòng thử nghiệm. Đối với các mẫu được trộn trong phòng thử nghiệm, trước khi sử dụng phải đảm bảo có độ lưu động xác định theo quy định trong EN 1015-2, các loại

vữa trộn sẵn (các loại vữa ướt chuẩn bị trong nhà máy đã được làm chậm đóng rắn), và các loại vữa ướt vôi – khí/cát phối liệu trước, khi không trộn thêm các chất kết dính thuỷ lực, phải được sử dụng trong khoảng thời gian sống quy định của nó. Khoảng thời gian trộn phải tính từ thời điểm toàn bộ các vật liệu thành phần được đổ vào máy trộn. Trước khi sử dụng, mẻ vữa phải được đảo thủ công nhẹ nhàng trong khoảng từ 5 giây đến 10 giây bằng bay hoặc dao phết để tránh tạo sự vón cục..., mà không phải tiến hành trộn bổ sung đối với mẻ vữa, các trường hợp sai khác với quy trình trộn phải được ghi chép, mẫu thử phải bao gồm 03 viên mẫu được đúc trong khuôn, hình dạng, việc chuẩn bị và bảo quản các viên mẫu phải tuân theo EN 1015-11.

Về quy trình thử nghiệm, mỗi phần có một quy trình riêng biệt. Trong đó có quy trình thử nghiệm của phần 17 – Xác định hàm lượng clorua hoà tan trong nước của vữa tươi là phức tạp nhất. Để tách dung dịch chứa Clorua hoà tan trong nước người ta phải cân lấy $10\text{g} \pm 0,005\text{g}$ mẫu (đã được nghiền mịn hơn $0,125\text{mm}$) ở nhiệt độ $20^{\circ}\text{C} \pm 5^{\circ}\text{C}$ cho vào một chai nhựa Polyethylene có nắp xoáy với dung tích xấp xỉ 150ml. Thêm 100ml nước cất lạnh hoặc nước đã khử ion lạnh, đóng chai lại và lắc chai trong vòng 60 phút bằng máy lắc kiểu xoáy với tốc độ quay 60 vòng/phút hoặc dùng máy khuấy dạng từ tính. Sau đó để yên chai và chất lỏng thu được qua đêm (ít nhất là 15 giờ, nhiều nhất là 24 giờ). Lọc phần chất lỏng mẫu và thu chất lỏng đã lọc vào một cốc thuỷ tinh Borosilicat 250ml, rửa phần cặn sót lại trên màng lọc bằng $25\text{ml} \pm 5\text{ml}$ nước cất hoặc nước đã khử ion. Axit hoá phần chất lỏng đã lọc bằng 20ml axit nitric loãng và cho đun sôi.

Dùng ống hút Pipet thêm 5ml dung dịch nitrat bạc vào dung dịch đang sôi đã nêu ở trên, tiếp tục đun sôi thêm từ 1,5 phút đến 2 phút và làm mát đến nhiệt độ thấp hơn 25°C . Chuyển dung dịch đang đun trong cốc vào một bình

hình nón 500ml, dùng nước cất hoặc nước đã khử ion để tráng cốc đã dùng. Tiếp theo là thêm 5 giọt dung dịch chỉ thị amoni sunfat sắt III và chuẩn độ bằng ống buret với dung dịch amoni sunfat xianua, mỗi lần cho dung dịch này vào lại lắc mạnh bình và kiểm tra cho đến khi một giọt của dung dịch này vào tạo ra cho dung dịch trong bình một màu nâu gạch và màu không bị biến đổi khi lắc, ghi lại thể tích dung dịch amoni sunfat xianua được sử dụng trong quá trình chuẩn độ này, tiến hành quy trình tương tự nhưng không có mẫu vữa và ghi lại thể tích của dung dịch amoni sunfat được sử dụng trong quá trình chuẩn độ mẫu trắng này... Các bước cuối cùng là tính toán, trình bày các kết quả, báo cáo kết quả thu được.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu, đề tài đã được chuyển dịch và biên soạn khá chặt chẽ, song vẫn còn 1 số ít thuật ngữ cần sửa đổi để phù hợp với văn phong Việt Nam. Để tiêu chuẩn được hoàn thiện hơn, nhóm biên soạn cần chỉnh sửa và bổ sung thêm nội dung mà các thành viên trong Hội đồng đã góp ý cho phần thuyết minh. Sau khi được thông qua, đề tài này sẽ là một trong các đề tài tiêu chuẩn nằm trong hệ thống tiêu chuẩn châu Âu, đảm bảo tính đồng bộ với tiêu chuẩn Eurocode đối với kết cấu xây.

Với kết quả thu được, đề tài tiêu chuẩn đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại Xuất sắc./.

Bích Ngọc

Sản phẩm ngói lợp gốm sứ cao cấp Trung Đô

Nhà máy gạch Granite Trung Đô đóng tại khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, là thành viên của Công ty cổ phần Trung Đô, thuộc TCTy xây dựng Hà Nội. Lịch sử hình thành và phát triển nhà máy chưa dài, song với đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề được đào tạo tại Italia và chuyển giao kỹ thuật công nghệ sản xuất gạch ốp lát Granite cao cấp cùng với dây chuyền thiết bị tân tiến mà nhà máy đã nghiên cứu, không ngừng đổi mới và áp dụng được nhiều tiến bộ mới nhất trong kỹ thuật sản xuất gạch Granite, ngói gốm sứ, tạo ra nhiều loại sản phẩm đa dạng về màu sắc, kích thước, có nhiều loại hoa văn, hoạ tiết đẹp, chất lượng tốt đạt tiêu chuẩn châu Âu EN 176.

Đặc biệt vào cuối năm 2008, trước nhu cầu ngày càng tăng về nhu cầu lợp mái chống nóng, chống thấm của thị trường trong nước, nhà máy đã khảo sát và đầu tư mở rộng dây chuyền sản xuất ngói gốm sứ cao cấp trên dây chuyền thiết bị công nghệ của Italy và đã đưa ra thị trường một loại ngói lợp có đặc tính tương đương gạch

granite. Lớp men màu phủ trên bề mặt được nung chảy ở nhiệt độ cao tạo nên sản phẩm có màu sắc tươi, có chiều sâu và có độ bền vĩnh cửu, không bị rêu mốc và giá cả hợp lý.

Quy trình sản xuất ngói gốm sứ:

Nguyên liệu sau khi thông qua kiểm tra, được định lượng bằng hệ thống cân định lượng điện tử đảm bảo thành phần hoá theo yêu cầu. Sau đó được nghiền trong thiết bị nghiền bi ướt, đảm bảo nguyên liệu đạt độ đồng nhất và độ mịn. Hỗn hợp nguyên liệu sau nghiền là dạng lỏng, được bơm từ bể chứa hồ vào tháp sấy phun rồi chuyển sang Silo chứa bột, chuẩn bị cho công đoạn ép tạo hình sản phẩm. Công đoạn này là khâu hình thành nên tính chất của sản phẩm, vì vậy, luôn được cán bộ kỹ thuật giám sát và kiểm tra chặt chẽ.

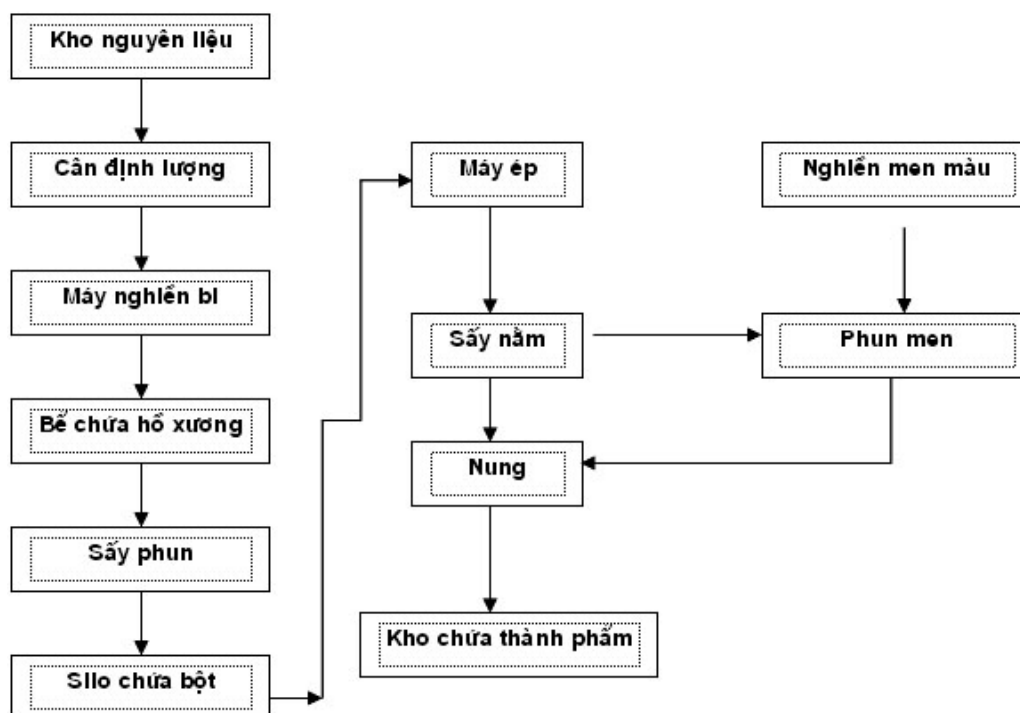
Tiếp đến là quá trình tạo hình sản phẩm, ở khâu này, nguyên liệu dạng bột thông qua hệ thống cấp liệu tự động được đưa vào khuôn ép, sản phẩm được tạo hình trên máy ép thuỷ lực có tổng lực ép tối đa là 3.500kg được nhập khẩu từ Italia, nên chúng được tạo hình với độ sít đặc,

có độ chính xác cao, tạo ra các sản phẩm mỏng, trọng lượng nhẹ, nhưng lại có cường độ uốn cao, mặt phẳng và độ thẳng cạnh tốt.

Ngói sau khi ép tạo hình được phun một lớp men lên bề mặt để tạo lớp men chống rêu mốc cho sản phẩm và màu sắc đa dạng theo nhu cầu của khách hàng. Sau đó sản phẩm được

nung kết khối trong lò nung thanh lăn ở nhiệt độ cao (nhiệt độ cao nhất là 1.200°C). Chính vì vậy đã tạo nên sản phẩm ngói cuối cùng có cường độ chịu uốn cao, nhẹ hơn các sản phẩm ngói lợp khác, màu sắc đa dạng, bền, không phai màu theo thời gian, không đóng rêu mốc và đặc biệt là không thấm nước.

Bảng 1: Sơ đồ dây chuyền sản xuất ngói gốm sứ



Bảng 2: Những ưu thế của ngói gốm sứ Trung Đô

Tên ngói	Ngói xi măng sơn màu	Ngói đất sét nung	Ngói gốm sứ trắng men Trung Đô
Đặc điểm			
Độ bền uốn	< 18N/mm ²	Thấp	> 28N/mm ²
Trọng lượng trên/m ² mái lợp	46kg	48kg	25kg
Độ xuyên nước	Có	Có	0%
Cách âm, cách nhiệt	Tốt	Bình thường	Tốt
Phản ứng tự nhiên	Phai màu sau 3 năm, dễ bám bẩn	Rêu mốc, bám bẩn	Không phai màu, không rêu mốc, không bám bẩn
Độ phức tạp thi công	Bình thường	Bình thường	Tương đối phức tạp
Giá bán	90%	80 – 100%	100%

Đây là đặc điểm khác với những loại ngói khác trên thị trường dùng sơn hữu cơ sơn lên bề mặt, không thông qua nung chảy chính vì thế độ bền màu sắc kém, nhanh bay màu. Ngói có độ bền cơ học lớn, cách nhiệt tốt nên điều hoà được không khí trong nhà, do vậy mùa hè mát, mùa đông ấm. Trọng lượng mỗi viên chỉ bằng 1/2 ngói xi măng, giúp giảm tải cho ngôi nhà và độ bền uốn lớn 1,5 lần. Thông số kỹ thuật cơ bản của ngói Trung Đô được quy định: Kích thước là 30 x 40cm, trọng lượng 2,4 kg/viên, độ dốc cho phép là 170 – 900, độ dốc tối ưu: 300 – 350, khoảng cách mè là 31 – 34cm, số lượng viên/m² là 11 viên, độ xuyên nước là 0%.

Tại Hội chợ triển lãm Vietbuil 2010 tổ chức tại Hà Nội vừa qua, Nhà máy đã vinh dự được tặng thưởng Cúp vàng thương hiệu ngành Xây dựng Việt Nam, 02 huy chương vàng cho sản phẩm gạch ốp lát Granite TRUNGDO và ngói lợp gốm sứ TRUNGDO. Đây là sự ghi nhận đóng góp của nhà máy sau một thời gian đưa sản phẩm ra thị trường phục vụ người tiêu dùng với chất lượng tốt giá cả hợp lý, doanh thu tăng trưởng hàng năm 20-25%, đời sống của người lao động được đảm bảo, hoàn thành tốt nghĩa vụ đối với nhà nước cũng như các hoạt động từ thiện./.

Bích Ngọc

Nhà container: Tiện ích và rẻ tiền

Với ưu điểm là chi phí rất thấp, chỉ trong vòng 1 năm, loại hình nhà container bắt đầu xuất hiện trên khắp cả nước, từ Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, cho đến TPHCM, Tiền Giang...

Tuy nhiên, nhà container chỉ xuất hiện ở một số khu vực công trường xây dựng với mục đích làm nhà ở cho công nhân, văn phòng điều hành tạm thời tại công trường... Nó rất ít xuất hiện như nhà ở thực thụ vì nhiều người vẫn lo ngại ở hình thức đơn điệu, cảm giác nóng nực, tù túng mà nhà container mang lại.

Theo kiến trúc sư Nguyễn Cửu Long, Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Nhà tiện ích thì với những vật liệu cách nhiệt, chống thấm, chống ồn hiện nay thì các biện pháp kỹ thuật ốp vật liệu vào bề mặt container sẽ giải quyết được chuyện nóng, ẩm trong căn nhà container mà không cần đến máy lạnh.

Còn cảm giác tù túng đến từ chiều cao chỉ khoảng 2,6m và chiều rộng chừng 2m của container, theo ông Nguyễn Cửu Long thì hoàn toàn có thể xử lý bằng biện pháp nâng trần và mở vách. Hiện ông đang xây dựng một căn biệt thự tại quận Thủ Đức diện tích 500m², trần nhà cao đến hơn 3m và có những phòng rộng đến 30m² mà chỉ cần dùng 28 container loại 20feet.

Cũng tại căn biệt thự này, ông đã tiết kiệm được cho chủ nhân hơn nửa tỉ đồng tiền xử lý móng. Vì để xây dựng căn biệt thự như trên bằng vật liệu thông thường ở sát bờ sông, chi phí xử lý móng sẽ vào khoảng 700 triệu đồng. Nhưng với biệt thự container, ông chỉ mất hơn 50 triệu đồng cho phần móng.

“Chưa kể, xây dựng phần thô bằng container tiết kiệm được khoảng 30% chi phí” - ông Long cho biết. Nhưng theo ông thì các biện pháp nâng trần sẽ khiến chi phí thi công đội cao hơn. Tiện ích nhất vẫn là tận dụng hoàn toàn thiết kế ban đầu của container và thi công nội thất đơn giản.

Khi thi công kiểu này, chi phí sẽ rất thấp, rất thích hợp để xây dựng các dự án nhà ở xã hội, nhà cho sinh viên... Ông cho biết: “Ở các nước phương Tây, họ sử dụng container để xây dựng những khu nhà ở xã hội cho hàng ngàn người cư ngụ”.

Một lợi ích khác mà nhà container mang lại là xử lý lượng container cũ, tồn do quá trình xuất nhập khẩu. Bởi phương châm xây dựng nhà container là chỉ dùng container cũ. Mà các đơn vị xuất nhập khẩu nước ta hiện chỉ xử lý các container cũ bằng cách bán phế liệu.

Loại hình nhà container cũng dễ dàng đáp



Biệt thự 500m² bằng container ở Thủ Đức

ứng được nhu cầu thiết kế các công trình “phá cách” của “dân chơi”. Theo ông Long thì dựa trên cách thiết kế như sắp xếp các mô hình, nhà container có thể giải quyết các yêu cầu xây dựng đòi hỏi kỹ thuật cao một cách hết sức dễ dàng.

Ví dụ như muốn xây dựng một ban công lồi ra ngoài đến 5m mà không cần trụ chống. Xây dựng theo kiểu thông thường phải dùng những vật liệu đặc biệt với những giải pháp thi công cực khó. Với nhà container, chỉ cần xếp chồng 1 container 40 feet lên 1 container 20feet, phần

ban công nhô ra có khi còn dài hơn 6m.

Còn về ưu thế di động và thi công nhanh thì không cần bàn cãi. Ông Long cho rằng: “Ở những khu resort, nhà hàng muốn mở rộng diện tích, muốn xây thêm 1 cái biệt thự bên sông... mà không muốn ngưng kinh doanh, không muốn hoạt động xây dựng ảnh hưởng đến khách... chỉ cần mua một căn nhà container, chở đến lắp đặt trong 1 ngày là xong”.

Với những ưu thế trên, nhà container hết sức thích hợp để xây dựng nhà ở các khu vực đất yếu ven sông, các cơ sở kinh doanh tạm thời, các công trình nhà ở xã hội giá rẻ, các kiến trúc phức tạp...

Lâu nay, nhà dân ở các khu quy hoạch treo thường chịu cảnh không được phép xây dựng mới, cải tạo nhà cửa để sử dụng. Hoàn toàn có thể nghiên cứu cho họ mở rộng diện tích nhà ở bằng container. Vì khi giải tỏa, có thể di dời cả căn nhà đi mà không cần đập phá.

Nguồn: www.dantri.com.vn

Hội thảo “Kinh nghiệm đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và chống ồn đô thị tại Hàn Quốc”

Sáng 19/4/2010, tại Hà Nội, Cục Phát triển đô thị – Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Kinh nghiệm đảm bảo an toàn giao thông, chiếu sáng và chống ồn đô thị tại Hàn Quốc”.

Tới dự Hội thảo có: GS.TS Lưu Đức Hải – Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, đại diện các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng, Sở xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, các hội nghề nghiệp, Tổng công ty, các trường và đại diện lãnh đạo, chuyên gia đến từ Hàn Quốc.

Quá trình đô thị hoá của Việt Nam đang trên đà phát triển với tốc độ nhanh chóng, thực tế cho thấy, từ năm 1998 là mốc thời gian Thủ tướng chính phủ phê duyệt Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển đô thị Việt Nam. Đến nay tốc độ đô thị hoá trên địa bàn cả nước tăng

khá nhanh, mạng lưới đô thị quốc gia đã và đang được mở rộng phát triển, vai trò, vị thế, chức năng của các đô thị, nhất là những đô thị động lực cấp quốc gia, cấp vùng đã dần từng bước được khẳng định. Hệ thống các đô thị lớn, trung bình và nhỏ cơ bản được phân bố tương đối hợp lý theo từng vùng, miền trong phạm vi cả nước. Đến tháng 12/2009, trên phạm vi toàn quốc đã có 754 đô thị, trong đó có hơn 100 thành phố, thị xã là đô thị loại 4 trở lên.

Phát triển đô thị tại Việt Nam hay bất cứ một quốc gia nào, hệ thống đô thị, hệ thống giao thông đô thị đều đóng vai trò quan trọng, các chỉ số mà chúng ta thường dùng để đánh giá chất lượng đô thị như: diện tích đất giao thông đô thị, tỷ lệ các loại phương tiện giao thông...

Đây cũng chính là những vấn đề mà các đô thị Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn, với hơn 10 năm phát triển đô thị, chúng ta rất cần những kinh nghiệm và sự chia sẻ về công nghệ, kinh nghiệm tiếp cận sự phát triển với các nước, để từ đó chúng ta có cách nhìn nhận và đánh giá sự phát triển đô thị của Việt Nam cần thay đổi và hội nhập như thế nào.

Hàn Quốc là một quốc gia gồm 9 thành phố lớn và 10 tỉnh, trong đó thành phố lớn nhất là Seoul với 10 triệu dân. Năm 1997, cũng như nhiều nước châu Á khác, Hàn Quốc bị khủng hoảng kinh tế nặng nề. Để tháo gỡ khó khăn, chính phủ Hàn Quốc đã tiến hành cải cách kinh tế mạnh mẽ, xây dựng nền kinh tế thị trường dân chủ. Kết quả là Hàn Quốc đã thành công trong việc khắc phục khủng hoảng trong thời gian 3 năm (1998 - 2000).

Nội dung chủ yếu trong Hội thảo là đề cập tới những kinh nghiệm phát triển đô thị ở Hàn Quốc trong lĩnh vực giao thông, chiếu sáng và chống ồn trong đô thị như: Chính sách An toàn giao thông (ATGT) trong đô thị; Tiện ích an toàn trên đường đô thị; Hệ thống tường chống ồn cho đường đô thị; Định hướng toàn cầu của đèn LED và những đề xuất; Hiệu quả chiếu sáng đô thị của đèn LED và Thiết kế hệ thống chiếu sáng đô thị. Đây là những chuyên đề rất thiết thực, là những vấn đề mà các đô thị của Việt Nam đang thực sự quan tâm, được thuyết trình bởi các đại diện đến từ nhiều công ty của Hàn Quốc như: Công ty kỹ thuật môi trường ETI, Tcty Nextway, Công ty SS Control, Công ty Lightech, Tập đoàn Nigtopia và cảnh sát giao thông Hàn Quốc. Mặc dù các chủ đề này không còn là mới mẻ đối với những người làm công tác quản lý và phát triển đô thị ở Việt Nam, song để hiểu rõ hơn về Hàn Quốc phát triển ra sao mới có được những thành tựu như vậy, thì đây quả là kinh nghiệm quý báu đáng để học hỏi.

Theo tính toán của các chuyên gia Hàn Quốc, cứ 1 người chết vì tai nạn giao thông



Công nghệ thùng quay EIT

(TNGT) sẽ gây tổn thất về kinh tế khoảng 500.000 USD, nếu giảm thiểu các vụ TNGT sẽ làm nền kinh tế quốc gia vững mạnh hơn. Để hạn chế tai nạn giao thông chính phủ Hàn Quốc không chỉ thực hiện những chính sách như: phát hành ấn bản tình hình ATGT hàng năm và chính sách an toàn giao thông, xúc tiến các phương án giảm thiểu tai nạn, thiết lập các thiết bị cấp tiến, hiệu quả nhằm cảnh báo tránh TNGT, phát hành các tài liệu hướng dẫn, giáo dục về ATGT phù hợp với mọi lứa tuổi, giáo dục - đào tạo ATGT đặc biệt cho những người vi phạm giao thông, ... Ngoài ra, các bộ ngành liên quan cần phải phối hợp cùng ban quản lý giao thông đường bộ, ban quản lý ATGT và các cơ quan chuyên trách về giao thông cùng cố gắng xúc tiến ban hành các chính sách về ATGT... Cùng với các chính sách mà chính phủ đề ra, có không ít các doanh nghiệp trong nước đã không ngừng nghiên cứu và sáng chế ra những sản phẩm tân tiến nhằm giảm tình trạng TNGT như: công nghệ thùng quay - ETI, công nghệ này là một hệ thống hàng rào đường bộ linh hoạt và năng động, có tính năng giảm tác động bật góc và hướng dẫn xe vào một hướng song song với các rào chắn để ngăn ngừa tai nạn thứ cấp, giúp duy trì an toàn và giảm thiểu tốc độ sốc bằng cách chuyển đổi năng lượng va chạm làm ảnh hưởng đến sự chuyển động quay, với góc quay 360°, công nghệ ETI giúp cho việc cảnh báo nguy hiểm đến người điều khiển xe từ đó có những phản xạ kịp thời tránh

được tai nạn, ngay sau khi có một tác động đáng kể, các thùng quay này có thể khôi phục dễ dàng lại hình dạng ban đầu của nó, do đó giảm thiểu chi phí sửa chữa so với một hệ thống hàng rào tiêu chuẩn, hơn nữa sản phẩm này cũng dễ thi công, nên có thể lắp đặt ở bất kỳ địa điểm nào có tỷ lệ tai nạn cao. Hay hệ thống chống ồn cho đường đô thị của Shin Sung như rào chắn bảo vệ, tường chống ồn với các ưu điểm dày hơn, có thể hấp thụ âm thanh, rẻ hơn so với hệ thống bê tông, có nhiều mẫu mã và chủng loại khác nhau, nhưng cùng chung một ưu điểm là bảo vệ an toàn giao thông trên đường, thân thiện với môi trường phù hợp lắp đặt tại những nơi như sân golf, trường học, công viên, căn hộ cao cấp... là một trong những sản phẩm được áp dụng khá nhiều trên các tuyến đường đô thị của Hoàn Quốc...

Bên cạnh các sản phẩm đảm bảo ATGT nêu trên, thì vấn đề chiếu sáng cũng đóng góp một phần không nhỏ trong công tác bảo vệ an toàn này, nó không những làm tăng thêm vẻ đẹp và khoảng không gian thoải mái khi đêm về, tạo điểm nhấn, tăng doanh thu cho ngành

du lịch, mà còn đảm bảo sự an toàn và sự thoải mái cho thành phố. Nhưng hiện nay, thị trường đèn khá đa dạng cả về chủng loại và mẫu mã, trong khi xã hội đang hướng tới một tương lai phát triển công nghiệp hoá - hiện đại hoá và không ô nhiễm, xoá bỏ những thói quen lạc hậu dùng những thiết bị gây ảnh hưởng tới môi trường sống và tiêu thụ nhiều năng lượng. Theo khuyến cáo của các chuyên gia, loại sản phẩm có thể đáp ứng với nhu cầu trên đó chính là đèn LED, loại đèn này có khả năng chiếu sáng lâu (50.000 giờ), tiết kiệm năng lượng và chi phí bảo dưỡng, hiệu quả cho ánh sáng trắng, điện áp hoạt động thấp, giảm khí CO₂, tiết kiệm 83% so với đèn Par và đèn huỳnh quang.

Hội thảo là cơ hội để các nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp của Việt Nam chia sẻ thông tin và trao đổi học tập kinh nghiệm với các chuyên gia của Hàn Quốc trong các lĩnh vực giao thông đô thị, quản lý phát triển đô thị.

Bích Ngọc

Nguồn: Tài liệu Hội thảo tháng 4/2010

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ ở Trung Quốc

Trong thời kỳ chuyển đổi mô hình kinh tế hiện nay, thu nhập của cá nhân trong xã hội Trung Quốc thay đổi khá lớn, do đó việc thiết lập cơ chế rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ là biện pháp tích cực góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, mở rộng phạm vi đối tượng của chế độ nhà ở giá rẻ, đảm bảo công bằng xã hội, sử dụng khoản chi phí hỗ trợ nhỏ để giải quyết vấn đề bảo đảm nhà ở cho nhiều người, giảm áp lực cho các phương thức hỗ trợ. Hiện nay, chính quyền các địa phương ở Trung Quốc đều đã ban hành các quy định về việc rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ, đồng thời đưa ra các biện pháp thực hiện khá linh hoạt, tuy nhiên do nhiều yếu tố tác động nên những

quy định, biện pháp đưa ra vẫn chưa phát huy hiệu quả, do đó, đổi mới và hoàn thiện cơ chế rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ là việc làm cần thiết.

I. Các vấn đề tồn tại trong công tác quản lý rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ

1. Khó khăn trong công tác theo dõi, quản lý thu nhập

Để đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội của công tác phân phối nhà cho thuê giá rẻ, hiện nay các địa phương ở Trung Quốc thường áp dụng phương thức người thuê nhà tự báo cáo tình hình thay đổi thu nhập và ký hợp đồng thuê nhà hàng năm để tránh tình trạng khai báo thiếu trung thực và quản lý không hiệu quả.

Ngoài ra, để tiến hành điều tra và quản lý chính xác số thành viên, nhà ở và thu nhập của từng hộ gia đình cần rất nhiều nhân lực và tiền vốn, hơn nữa thông tin không chính xác, kết quả kiểm tra chênh lệch nhiều so với khai báo.

2. Thực tế khó khăn tồn tại trong việc rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ

Hiện nay, các hộ thuê nhà không phù hợp với quy định bắt buộc phải trả lại nhà cho thuê giá rẻ trong thời gian quy định (trong thời gian 6 tháng), nếu không sẽ bị thu hồi theo pháp luật. Nhưng một mặt, do các chế độ bảo trợ, phúc lợi xã hội vẫn chưa hoàn thiện nên các đơn vị trực tiếp quản lý nhà ở bảo đảm không thể áp dụng các biện pháp cưỡng chế; mặt khác, các hộ gia đình được thụ hưởng chính sách nhà cho thuê giá rẻ phần lớn là các hộ khó khăn, nên dù điều kiện đời sống được cải thiện không còn phù hợp với điều kiện thụ hưởng nhà cho thuê giá rẻ, nhưng điều kiện kinh tế chưa được cải thiện nhiều, về cơ bản vẫn thuộc diện khó khăn, nên việc cưỡng chế thu hồi nhà sẽ gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực về mặt xã hội. Vì vậy, việc triển khai công tác thu hồi nhà cho thuê giá rẻ vẫn tồn tại khó khăn nhất định.

3. Công tác quản lý thiếu chặt chẽ

Việc quản lý sử dụng nhà cho thuê giá rẻ, đặc biệt là tình trạng ở ghép vi phạm chính sách nhà cho thuê giá rẻ, thay đổi tính chất sử dụng nhà cho thuê giá rẻ, các biện pháp ngăn chặn hành vi cho thuê nhà giá rẻ, hoặc chuyển quyền sử dụng cho người thân,... thiếu kịp thời, công tác giám sát, xử lý các hành vi vi phạm còn bị động. Việc các hộ gia đình không đủ tiêu chuẩn hưởng chính sách nhà cho thuê giá rẻ nhưng vì lợi ích cá nhân nên vẫn cố tình đối trá, khai báo sai sự thực... đã gián tiếp làm giảm hiệu quả công tác phúc lợi xã hội, gây khó khăn cho công tác thiết lập cơ chế rút lui khỏi chính sách cho thuê nhà giá rẻ.

II. Nguyên nhân gây khó khăn đối với cơ chế rút lui khỏi chính sách thuê nhà giá rẻ

1. Thiếu biện pháp xác định mức thu nhập của các hộ gia đình

Tình hình thu nhập là tiêu chuẩn mấu chốt xác định phạm vi đối tượng được hưởng chính sách cho thuê nhà giá rẻ, nhưng hiện nay Trung Quốc chưa có biện pháp hiệu quả xác định mức thu nhập của các gia đình. Hiện nay, đa số các đô thị của Trung Quốc chưa thiết lập được hệ thống xác định thu nhập của các hộ. Trong tình hình thu nhập xã hội đa dạng như ngày nay, thu nhập cá nhân và gia đình rất khó kiểm đếm chính xác, cơ bản chỉ có thể kiểm tra được khoản lương do đơn vị nơi họ công tác chi trả, còn các khoản thu còn lại khó có thể xác định chính xác. Ngoài ra, vấn đề quan hệ hộ khẩu cũng khá phức tạp, tình hình đăng ký cũng tồn tại nhiều bất cập. Những vấn đề này khiến việc xác định tình hình thu nhập càng trở nên khó khăn hơn.

2. Thiếu hệ thống văn bản pháp quy về quản lý nhà cho thuê giá rẻ

Hệ thống chính sách và hệ thống pháp chế xã hội hiện toàn là nền tảng bảo đảm cho việc hoàn thiện chế độ bảo đảm nhà ở và cơ chế rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ. Hiện nay, Trung Quốc mới chỉ có một văn bản pháp quy về nhà ở giá rẻ là “Biện pháp quản lý nhà ở cho thuê giá rẻ đối với các hộ gia đình tại khu vực đô thị” do Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Dân chính, Bộ Tài nguyên, Tổng Cục thuế nhà nước Trung Quốc phối hợp ban hành ngày 15/11/2003. Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho việc hình thành cơ chế rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ. Thiếu các quy định pháp luật tương quan nên chính quyền hiện không thể tìm ra biện pháp quản lý cưỡng chế hiệu quả đối với các đối tượng gia đình không đủ điều kiện nhưng cũng không chịu rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ, kết quả là nguồn vốn phúc lợi không đến được với những người dân thực sự có nhu cầu, làm giảm hiệu quả chế độ phúc lợi xã hội.

3. Thiếu bộ phận quản lý chuyên trách

3.1. Cơ cấu tổ chức, thủ tục hành chính rườm rà và những nguyên nhân lịch sử nên hiện

nay việc thực hiện chế độ nhà ở bảo đảm liên quan đến các ban ngành như xây dựng, quản lý nhà, trung tâm quản lý quỹ, tài nguyên, dân chính và thuế, chi phí công tác lớn, hiệu quả quản lý thấp.

3.2. Thiếu nhân tài quản lý nhà ở bảo đảm. Hiện nay số lượng nhân viên của ban quản lý nhà ở bảo đảm còn mỏng nên không thể quản lý chặt vấn đề rút lui khỏi chế độ cho thuê nhà giá rẻ, đặc biệt cơ sở dữ liệu về nhà ở cho thuê giá rẻ còn sơ sài, công tác quản lý yếu kém. Hơn nữa, công tác quản lý rút lui khỏi chế độ bảo đảm yêu cầu tính chuyên nghiệp cao, nhưng theo điều tra, số nhân viên có đủ năng lực trong lĩnh vực này còn thiếu, nên công tác quản lý gặp khó khăn rất lớn. Ngoài ra, hiện nay cơ chế điều tra khảo sát công tác quản lý nhà cho thuê giá rẻ chưa kiện toàn, thiếu động lực quản lý rút lui khỏi chế độ nhà cho thuê giá rẻ. Rất nhiều thành phố của Trung Quốc xem việc bảo đảm nhà cho thuê giá rẻ là một nội dung nhiệm vụ quan trọng, nhưng chưa có biện pháp hiệu quả, hơn nữa cũng không đưa công tác quản lý động thái của nhà cho thuê giá rẻ vào trong nội dung sát hạch công tác. Đây là nguyên nhân chính khiến các đơn vị quản lý thiếu quan tâm đến công tác quản lý, thiếu động lực quản lý.

3.3. Thiếu chế độ đồng bộ hỗ trợ sau khi rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ. Đối với các hộ gia đình thuộc diện khó khăn, việc thoát nghèo vượt khó, không thuộc diện đối tượng được hưởng chế độ thuê nhà giá rẻ là cả một quá trình. Trong quá trình thay đổi này, nếu không có biện pháp hỗ trợ rút lui tương thích thì sau khi cơ quan quản lý thu hồi nhà cho thuê giá rẻ, các hộ gia đình vừa mới thoát khỏi khó khăn lại phải dành một khoản khá lớn để chi trả cho mục đích nhà ở, dẫn đến mức sống thực tế thấp hơn khi còn thụ hưởng chế độ thuê nhà giá rẻ. Do đó, những hộ này hoặc bằng lòng thụ hưởng chế độ, không nâng cao mức thu nhập, hoặc sau khi mức thu nhập nâng cao không chủ động báo cáo rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ.

III. Biện pháp giải quyết vấn đề rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ

Mấu chốt của vấn đề là điều tra khảo sát thông tin cơ bản và quản lý động thái, áp dụng cơ chế thị trường, thúc đẩy loại hình nhà cho thuê giá rẻ bằng cả ba phương diện: pháp luật, chính quyền và thị trường.

1. Tăng cường kiểm tra và quản lý hồ sơ các hộ gia đình thuê nhà giá rẻ

Các cơ quan hữu quan cần định kỳ (1 năm một lần chẳng hạn) rà soát xác thực tình hình thu nhập, nhân khẩu và nhà ở của các hộ gia đình thuê nhà giá rẻ, đồng thời căn cứ vào kết quả rà soát để quyết định hoặc cho phép tiếp tục thuê nhà, điều chỉnh tiêu chuẩn hoặc loại bỏ tư cách thuê nhà.

Các cơ quan chức năng cũng cần tích cực theo dõi, kiểm tra, quản lý động thái của các đối tượng gia đình thuộc diện chính sách thuê nhà giá rẻ trước khi phát tiền hỗ trợ chính sách. Ví dụ, đơn vị quản lý nhà ở có thể xây dựng kho dữ liệu điện tử và hồ sơ báo cáo cho từng hộ gia đình chính sách, kịp thời bổ sung, đồng thời liên kết với các ban dân chính và hiệp hội xây dựng, tiến hành điều chỉnh tăng giảm nhà ở khi số hộ chính sách thay đổi, giải quyết kịp thời số hộ gia đình khó khăn mới. Đồng thời, thông qua nhiều biện pháp khác nhau, thu nhập thông tin về các hộ gia đình chính sách để bổ sung vào kho dữ liệu, đảm bảo công bằng, công khai và chuẩn xác.

2. Tăng cường xây dựng pháp luật, đảm bảo căn cứ pháp lý về nhà cho thuê giá rẻ

2.1. Ban hành văn bản pháp luật về bảo đảm nhà cho thuê giá rẻ. Các ban ngành chức năng cần xây dựng hệ thống pháp luật về bảo đảm nhà ở phù hợp với tình hình đất nước Trung Quốc, hoặc tăng thêm phần bảo đảm nhà ở vào trong pháp luật hiện hành, quy định cụ thể về đối tượng, tiêu chuẩn, mức độ bảo đảm, nguồn vốn bảo đảm, cơ chế rút lui khỏi chế độ và cơ chế quản lý. Đảm bảo cung cấp cơ sở pháp luật tin cậy cho công tác thực thi chính sách thuê nhà giá rẻ.

2.2. Ban hành quy định cụ thể về rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ. Điều chỉnh chính sách bảo đảm nhà ở hiện hành, thiết lập “Điều lệ rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ” nhằm cung cấp cơ sở pháp luật cho công tác thực hiện chế độ rút lui khỏi chính sách bảo đảm nhà ở. Trong quy định chi tiết của chính sách cần xác định đơn vị và quyền hạn của đơn vị quản lý trong công tác quản lý rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ, quá trình xác nhận thu nhập, trình tự rút lui khỏi chính sách bảo đảm nhà ở, biện pháp kiểm tra đối tượng được hưởng chính sách bảo đảm. Đồng thời, quy định mức phạt đối với các hành vi gian dối, lừa đảo, che giấu tình hình thu nhập, tài sản, nhân khẩu và nhà ở...

3. *Hài hoà mối quan hệ giữa các bộ phận quản lý, thành lập cơ cấu quản lý chuyên môn*

3.1. Thành lập cơ cấu quản lý chuyên môn phụ trách quản lý nhà cho thuê giá rẻ, thẩm định phê duyệt tư cách đối tượng, tiêu chuẩn rút lui khỏi chế độ, chính sách tương quan và công tác thực hiện có liên quan về chính sách thuê nhà ở giá rẻ.

3.2. Lập cơ chế sát hạch chức năng bảo đảm của chính quyền. Lấy kết quả thực thi chế độ bảo đảm nhà ở là nội dung quan trọng để sát hạch thành tích của chính quyền. Lấy hiệu quả của cơ chế rút lui làm tiêu chuẩn hàng đầu đánh giá mức độ hoàn chỉnh của chế độ bảo đảm nhà ở.

4. *Lập chính sách ưu đãi khả thi, hỗ trợ các hộ gia đình rút lui khỏi chế độ thuê nhà giá rẻ giải quyết vấn đề nhà ở*

Chính quyền cần căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để thiết lập chính sách ưu đãi phù hợp để các hộ chủ động sắp xếp, rút lui khỏi chế độ bảo đảm. Đảm bảo cho các hộ gia đình thuê nhà giá rẻ sau khi tự giác rút lui khỏi chế độ có thể được hưởng các chính sách ưu đãi, như cho vay lãi suất thấp, ưu tiên mua nhà phù hợp với điều kiện kinh tế, miễn giảm thuế nhà đất; nếu các hộ chính sách không chủ động rút lui, đơn vị quản lý sẽ ra thông báo, cưỡng chế rút lui, các hộ gia đình này không

những không được hưởng các chính sách ưu đãi mà còn phải chịu trách nhiệm pháp luật có liên quan.

5. *Áp dụng hợp lý phương thức hỗ trợ bằng tiền mặt*

Phương thức hỗ trợ tiền thuê nhà có tác dụng hết sức tích cực đối với chế độ rút lui khỏi chính sách thuê nhà giá rẻ. Các địa phương có thể áp dụng phương thức hỗ trợ tiền thuê nhà kết hợp với nghĩa vụ lao động. Tức là nhà nước sẽ hỗ trợ tiền mặt cho các hộ rút lui khỏi chế độ, ngược lại các hộ này phải có nghĩa vụ lao động công ích, hộ nào được hỗ trợ số tiền càng lớn thì phải lao động công ích nhiều hơn. Với phương thức này, các hộ gia đình chính sách này sẽ phải cân nhắc nhiều hơn về vấn đề chi phí, đồng thời sẽ không có cảm giác thụ hưởng chính sách thuê nhà giá rẻ.

6. *Lựa chọn đối tượng chính sách phù hợp, thực hiện phương thức cung cấp nhà ở*

Đối với các đối tượng ít có khả năng trả lại nhà cho thuê giá rẻ, như không có khả năng nâng cao thu nhập, các đối tượng xã hội cần được quan tâm đặc biệt như trẻ mồ côi, người lớn tuổi, người bệnh tật, người tàn tật và thân nhân của liệt sĩ thì phương thức cung cấp nhà ở là biện pháp cải thiện tối đa tình hình nhà ở cho họ, là biện pháp hiệu quả thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với họ.

7. *Thực hiện chế độ khai báo thành thật*

Cơ quan quản lý trước tiên cần thiết lập các cơ chế công tác trên nguyên tắc thành thật; thứ hai, nghiêm túc yêu cầu các hộ xin thuê nhà giá rẻ thực hiện nguyên tắc thành thật, đồng thời công khai thông tin về các hộ này, như thông báo định kỳ cho đơn vị công tác, khu cư trú của họ và trên các phương tiện thông tin đại chúng, nếu sau khi thông báo không có ý kiến phản hồi trái ngược nào sẽ tiến hành hỗ trợ cho họ./.

Hoàng Thụy Minh

*Nguồn: T/C XD đô thị và nông thôn TQ
số 12/2009*

ND: Hoàng Đại Hải

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Công trình xây dựng mới tiết kiệm 70% điện năng

Theo một nghiên cứu mới đây của Sở Điện - Nước Abu Dhabi cho thấy, chỉ riêng mức tiêu thụ điện trên 7.000 MW ở tiểu vương quốc Abu Dhabi đã tiêu tốn trên 8 triệu AED, con số trên dự kiến sẽ còn tăng cao cùng với tốc độ tăng trưởng và phát triển xây dựng ở các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE).

Những căn biệt thự cao cấp độc lập ở Abu Dhabi tiêu thụ nhiều điện năng nhất do chúng có diện tích rộng, sử dụng tường bê tông không cách nhiệt, bề mặt tiếp xúc lớn do khối tích lớn. Mỗi biệt thự ở Abu Dhabi sử dụng từ 32.000 đến 97.000 kWh điện/năm.

Được sống trong một căn biệt thự độc lập là mong muốn của nhiều người ở UAE, nhưng nó lại đòi hỏi chi phí cao về năng lượng và là tin xấu đối với môi trường cũng như túi tiền của chủ nhà. Nếu sử dụng công nghệ bê tông khí đúc sẵn (PAC) thì có thể giảm được 60-70% lượng điện tiêu thụ. Bê tông khí được chế tạo trên công nghệ hoàn toàn tự động đã được chứng minh là có hiệu quả và được đưa vào sử dụng ở Châu Âu kể từ năm 1923. PAC là vật liệu có tính năng cách nhiệt gấp 10 lần so với loại bê tông thông thường có cùng độ dày. Sử dụng vật liệu này như một hệ thống cách nhiệt bởi nó làm giảm đáng kể nhu cầu tiêu thụ điện trong khi tính đến năm 2030 nhu cầu điện ở Abu Dhabi dự kiến tăng gấp 3 lần.

Lượng cacbon được thải ra là mối nguy hại lớn đối với môi trường, làm ô nhiễm môi trường và là tác nhân gây ra biến đổi khí hậu. Người ta ước tính 40% lượng khí cacbon được thải ra có nguồn gốc từ các công trình xây dựng. UAE là nơi báo động về lượng khí cacbon kỷ lục được thải ra, đứng thứ 2 trong khu vực Trung Đông, bê tông khí như là một giải pháp khả thi cho ngành bất động sản nơi đây.

Bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2009 với số vốn đầu tư 100 triệu AED, Công ty BENA

German Emarati BENA, được thành lập theo sáng kiến của Chương trình OFFSET, là nhà sản xuất bê tông khí lớn nhất ở UAE. Dưới sự hỗ trợ bởi công nghệ và chuyên gia của Đức, Công ty này đang sở hữu công nghệ sản xuất bê tông khí hiện đại nhất khu vực Trung Đông và có sản lượng khoảng 1.500 biệt thự mỗi năm và trở thành nhà sản xuất lớn nhất khu vực. Hiện nay, Chính quyền Abu Dhabi dự tính nhu cầu xây dựng biệt thự ở ngoại ô Abu Dhabi hàng năm là 7.000 đến 10.000 căn.

Công ty BENA đã cam kết Chiến lược xanh của Công ty phù hợp với Kế hoạch khung xây dựng đô thị đến năm 2030 của Tiểu vương quốc Abu Dhabi.

<http://www.hurriyetaidailynews.com>

Ngành Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ dự kiến tăng trưởng 15% trong năm 2010

Phát biểu tại Hội nghị Dự báo sự tăng trưởng của ngành Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ năm 2010 do Hiệp hội các nhà sản xuất vật liệu xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ (IMSAD) tổ chức mới đây, ông Suleyman Varlibas - Chủ tịch Công ty Varlibas Holdings cho rằng, ngành Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ sẽ tăng trưởng khoảng 15% trong năm 2010, sự tăng trưởng đó dựa trên mức tăng nhu cầu về nhà ở của người dân.

Theo ông Varlibas, hiện nay Thổ Nhĩ Kỳ có khoảng 15 triệu hộ gia đình, tỷ lệ sở hữu nhà ở đạt khoảng 68,3%, chỉ có 23,9% số hộ đang phải thuê nhà và con số này sẽ tăng cùng với sự gia tăng dân số.

Năm 2009, ngành Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ tăng trưởng 16% trong khi mức tăng trưởng chung của nền kinh tế chỉ đạt 4,7%.

Ông Varlibas cho rằng Thổ Nhĩ Kỳ là nước có tiềm năng về phát triển ngành Xây dựng và vật liệu xây dựng. Những số liệu thống kê quý một năm 2010 cho thấy nhu cầu xây dựng là rất cao do lãi suất tín dụng thấp và giá cả phù hợp.

Nói về tương lai của ngành Xây dựng Thổ Nhĩ Kỳ, ông Kerem Alkin - chuyên gia kinh tế của IMSAD cho rằng, trong thời gian tới Thổ Nhĩ Kỳ cần tập trung sản xuất các sản phẩm công nghệ cao. Để làm được điều này, cần phải tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu - triển khai, nhất là trong lĩnh vực xây dựng và vật liệu xây dựng.

<http://www.hurriyetdailynews.com>

Tốc độ tăng trưởng nhanh của Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc (CCB)

Chủ tịch Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc Guo Shuqing cho biết, trong những năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Việt Nam cùng với việc tăng cường trao đổi thương mại và đầu tư với Trung Quốc đã thu hút sự quan tâm của Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc.

CCB là ngân hàng cho vay lớn thứ 2 ở Trung Quốc, chi nhánh đầu tiên của ngân hàng này được đặt tại Thành phố HCM trung tâm kinh tế và tài chính của Việt Nam.

Ông Guo đánh giá Việt Nam có tiềm năng phát triển đáng tự hào và thực sự gây ấn tượng trên thế giới với đà tăng trưởng cao và ổn định về tài chính bất chấp cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và nền kinh tế bị suy thoái trong năm ngoái. Những số liệu thống kê cho thấy năm 2009 tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt 5,32%, cao nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Việc hợp tác, giao lưu kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc đang phát triển mạnh vì vậy đòi hỏi nhiều hơn sự hỗ trợ từ những dịch vụ tài chính của cả 2 nước.

Theo thống kê của Trung Quốc, năm ngoái xuất nhập khẩu của Việt Nam và Trung Quốc đã được thương mại hóa toàn cầu, thương mại hai chiều vượt 20 tỷ USD.

Ông Guo cho biết thêm, CCB là ngân hàng dẫn đầu ở Trung Quốc với lợi thế trong các lĩnh vực đầu tư kinh doanh, bán buôn bán lẻ. CCB đã phát triển quan hệ hợp tác kinh doanh với 23

ngân hàng ở Việt Nam, nhằm đặt nền tảng vững chắc cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh của CCB tại thị trường Việt Nam.

Việc mở chi nhánh ở Tp Hồ Chí Minh là bước đi quan trọng trong việc mở rộng CCB ở nước ngoài, và CCB tin tưởng vào tiềm năng phát triển tại thị trường Việt Nam.

Chi nhánh HCM là chi nhánh thứ 2 của CCB tại Đông Nam Á, chi nhánh đầu tiên được mở tại Singapor. CCB sẽ cố gắng mở rộng thị phần tại Việt Nam để tiến tới cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp thuộc các nước Đông Nam Á khác.

Chi nhánh HCM cung cấp các dịch vụ tiền gửi, cho vay và các khoản vay khác, tài trợ dự án và tài trợ thương mại, thanh toán quốc tế và trung gian giao dịch giữa các doanh nghiệp.

CCB cam kết cung cấp các dịch vụ đạt chất lượng cao nhất cho khách hàng Việt Nam và Trung Quốc, góp phần đẩy mạnh quan hệ hợp tác tài chính và thương mại giữa hai nước.

<http://www.xinhuanet.com.cn>

CEMEX phát triển Công nghệ thu hồi và lưu giữ CO₂

Tập đoàn Vật liệu xây dựng CEMEX của Mỹ được Bộ Năng lượng Mỹ lựa chọn là đơn vị nghiên cứu phát triển Công nghệ thu hồi và lưu giữ CO₂ mới (CCS) nhằm làm giảm lượng phát thải khí CO₂ ra môi trường.

Theo đó, Tập đoàn CEMEX sẽ phát triển một kỹ thuật mới nhằm giảm phát thải CO₂ bằng công nghệ thu hồi và lưu giữ CO₂ thực hiện thí điểm tại một trong các nhà máy xi măng của Tập đoàn.

CEMEX sẽ phối hợp cùng với Viện Nghiên cứu RTI và một số đơn vị khác xây dựng một hệ thống thu hồi và lưu giữ CO₂ công suất 1 triệu tấn CO₂/năm.

Dự án CCS được thực hiện theo mô hình hợp tác Nhà nước - tư nhân nhằm mục tiêu tăng cường đầu tư sáng tạo các công nghệ thân thiện môi trường. Trong Dự án này, CEMEX

đầu tư 20% cho giai đoạn đầu và Bộ Năng lượng Mỹ góp vốn 1,14 triệu USD.

Cam kết bền vững mà CEMEX đưa ra bao gồm cả việc giảm thiểu sự dụng năng lượng trong sản xuất và giảm cacbon. Cuối tháng 3 vừa qua, CEMEX được Bộ Năng lượng Mỹ (DOE) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ (EPA) trao tặng danh hiệu Đơn vị đi đầu trong công tác tiết kiệm năng lượng năm 2009 cho nỗ lực của CEMEX trong việc không ngừng giảm thiểu mức năng lượng tiêu thụ và phát thải khí CO₂. Những nỗ lực của CEMEX trong năm 2009 đã giảm phát thải khoảng 115.000 tấn CO₂ nhờ việc tiết kiệm năng lượng.

CEMEX là một tập đoàn VLXD lớn của Mỹ có tên tuổi trên thế giới và được biết đến như là một tập đoàn hàng đầu trong ngành VLXD với nhiều chủng loại sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao.

<http://newblaze.com>

Trung Quốc đẩy mạnh xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp

Theo tin Tân Hoa xã ngày 14/4, Chính phủ Trung Quốc đã yêu cầu các chính quyền địa phương đẩy mạnh các nỗ lực xây dựng nhà ở

cho người thu nhập thấp.

Theo một quan chức Bộ Nhà ở và phát triển đô thị - nông thôn Trung Quốc, mục tiêu quốc gia năm 2010 của Trung Quốc là xây dựng 3 triệu căn hộ cho các gia đình thu nhập thấp, cải tạo 2,8 triệu căn nhà ở các khu vực nhà ở lụp xụp trong đô thị, mở rộng cải tạo nhà ở đột nát vùng nông thôn.

Bộ Nhà ở và phát triển đô thị - nông thôn Trung Quốc đã yêu cầu các cấp chính quyền địa phương nghiêm túc thực hiện các chính sách ưu đãi của Nhà nước về cấp đất, cấp vốn, miễn giảm thuế và hỗ trợ tín dụng cho các dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp nhằm đảm bảo hiện thực hóa mục tiêu quốc gia về xây dựng nhà ở.

Bộ Nhà ở và phát triển đô thị - nông thôn Trung Quốc cũng yêu cầu các địa phương tăng cường kiểm soát nhằm kiềm chế sự tăng giá nhà ở tại một số thành phố bằng cách đẩy mạnh nguồn cung ứng loại nhà ở có diện tích nhỏ và trung bình và ngăn chặn tình trạng đầu cơ nhà ở.

<http://www.xinhuanet.com>

Biên tập tin: Quỳnh Anh

Khai mạc Triển lãm Quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội

Ngày 21/4/2010, tại Trung tâm triển lãm Vân Hồ, Hà Nội đã diễn ra lễ khai mạc Triển lãm giới thiệu Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, nhằm lấy ý kiến đóng góp của nhân dân để hoàn thiện quy hoạch. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Nguyễn Đình Toàn; Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội Phí Thái Bình đã đến dự và cắt băng khai mạc Triển lãm.

Tại triển lãm đã trưng bày bản vẽ Quy hoạch tổng thể không gian, các bản vẽ về hạ tầng kỹ thuật, mô hình sa bàn và phim minh họa.

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 do liên danh tư vấn quốc tế PPJ (Perkins Eastman - Hoa Kỳ, POSCO E&C và JINA – Hàn Quốc) lập đã xác định vị trí của đô thị Thủ đô Hà Nội là trung tâm hành chính - chính trị, trung tâm văn hóa, khoa học công nghệ và giáo dục quan trọng của cả nước, là trung tâm kinh tế - dịch vụ và thương mại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mục tiêu chính của Quy hoạch nhằm nâng cao vai trò vị thế, tính cạnh tranh của Hà Nội, xứng đáng là Thủ đô của một nước có trên 100 triệu dân vào năm 2030, phát triển bền vững và hội nhập với nền kinh tế thế giới; Xây dựng hình ảnh của Hà Nội, một đô thị lịch sử, văn hoá truyền thống, cảnh quan, kiến trúc đặc trưng, phát triển và bảo tồn được đặc thù riêng của Hà Nội; Định hướng, thực hiện triển khai các chủ trương chính sách, chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng của Quốc gia & Thủ đô; Xây dựng mô hình chính quyền đô thị, tự chủ và phân quyền hợp lý cho các đô thị trực thuộc nhằm tạo năng động trong công tác quản lý đô thị và thu hút đầu tư.

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích Thủ đô Hà Nội mở rộng, trong mối liên hệ với các tỉnh và thành phố thuộc Vùng



Lãnh đạo Bộ Xây dựng và Thành phố Hà Nội xem sa bàn Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội

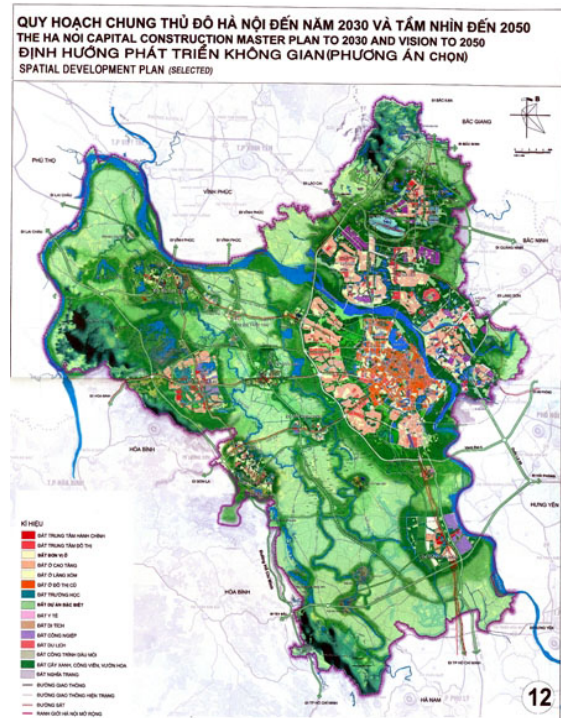
thủ đô Hà Nội, vùng đồng bằng sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và các tỉnh liên quan khác: Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Hòa Bình, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Nam Định, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên.

Về tổ chức không gian, Thủ đô Hà Nội sẽ gồm đô thị hạt nhân và 5 đô thị vệ tinh. Đô thị hạt nhân là trung tâm chính trị, văn hóa, lịch sử, dịch vụ, y tế, đào tạo chất lượng cao của cả nước, khu vực và Thành phố Hà Nội, có dân số khoảng 4-4,5 triệu người, được mở rộng từ đô thị lõi lịch sử về phía Tây đến tuyến đường Vành đai IV, về phía Bắc sông Hồng – Khu vực Mê Linh, Đông Anh, Gia Lâm theo định hướng của Quy hoạch 1998. Trong đó, thành phố lõi lịch sử được kiểm soát bảo tồn nghiêm ngặt các di sản di sản văn hóa Thăng Long cổ và lối sống truyền thống của người Hà Nội, dân số tối đa là 0,8 triệu người, khống chế kiểm soát mật độ và tầng cao xây dựng. Xây dựng chuỗi đô thị nằm dọc đường vành đai IV - Đan Phượng – Hoài Đức – Hà Đông – Thường Tín nơi đây sẽ xây dựng các công trình có mật độ cao, ưu tiên về cảnh quan cây xanh mặt nước. Chuỗi đô thị này sẽ ôm lấy đô thị lõi lịch sử, có vùng đệm ngăn cách bởi hành lang xanh dọc sông Nhuệ.

Khu vực Gia Lâm, Long Biên phát triển dịch vụ chất lượng cao như thương mại, tài chính, ngân hàng, thị trường chứng khoán, đào tạo nghề, y tế chuyên sâu...và hỗ trợ các ngành công nghiệp dọc QL5. Đông Anh phát triển thương mại giao dịch quốc tế, công nghiệp kỹ thuật cao, du lịch sinh thái, trường quay gắn với bảo tồn di tích Cổ Loa và đầm Vân Trì, Trung tâm thể thao thành phố Hà Nội. Mê Linh là khu đô thị dịch vụ và công nghiệp sạch, đa ngành, kỹ thuật cao kết nối với sân bay Nội Bài, phát triển trung tâm triển lãm, hội chợ hoa kết hợp trung tâm khoa học công nghệ chuyên ngành hoa và cây.

Hình thành 5 đô thị vệ tinh là Hòa Lạc, Sơn Tây, Xuân Mai, Phú Xuyên và Sóc Sơn có dân số từ xấp xỉ từ 21 vạn đến 75 vạn người/1 đô thị. Mỗi đô thị vệ tinh sẽ có một hoặc nhiều nhân tố chính để tạo công ăn việc làm và có chức năng đặc thù riêng để hỗ trợ, chia sẻ với đô thị trung tâm về nhà ở, đào tạo chất lượng cao, công nghiệp, dịch vụ... trong đó Hòa Lạc là đô thị khoa học, nơi tập trung trí tuệ và công nghệ tiên tiến nhất của Việt Nam, là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước và vùng. Sơn Tây là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cửa ngõ Tây Bắc thủ đô Hà Nội, là đô thị văn hóa lịch sử du lịch sinh thái, phát triển tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp sinh thái. Xuân Mai là đô thị đại học và dịch vụ cửa ngõ phía Tây Nam Hà Nội. Phú Xuyên là đô thị vệ tinh phía Nam của Thủ đô, phát triển công nghiệp, kho tàng, các dịch vụ trung chuyển, đầu mối phân phối, tiếp vận hàng hóa và phân phối nông sản vùng. Sóc Sơn là đô thị cửa ngõ phía Bắc Hà Nội, là đô thị công nghiệp, dịch vụ cảng hàng không Nội Bài gắn với bảo tồn khu vực núi Sóc.

Hình thành hành lang xanh dọc sông Đáy, sông Tích, sông Cà Lồ nhằm phân tách kiểm soát ngưỡng phát triển của đô thị hạt nhân và các đô thị vệ tinh. Hành lang xanh chiếm 68% tổng diện tích đất tự nhiên, có chức năng bảo vệ



Bản đồ Quy hoạch chung XD thủ đô Hà Nội

những khu vực tự nhiên quan trọng như hệ thống sông hồ, vùng núi Ba Vì, Hương Tích, Sóc Sơn; bảo vệ vùng nông thôn, nông nghiệp năng suất cao, các làng xóm, làng nghề truyền thống, các di tích văn hoá và kiểm soát lũ lụt.

Trong khu vực hành lang xanh, xây dựng đường cảnh quan Bắc-Nam và 3 đô thị sinh thái mật độ thấp là Phúc Thọ, Quốc Oai, Chúc Sơn (quy mô dân số tối đa 5 vạn người/đô thị) tại giao cắt của 3 tuyến chính QL6, đường Láng-Hòa Lạc và QL32. Duy trì các thị trấn hiện hữu như Phùng, Tây Đằng, Phúc Thọ, Liên Quan, Kim Bài, Vân Đình, Đại Nghĩa, Thường Tín... và hình thành mới một số thị tứ. Các đô thị sinh thái và các thị trấn, thị tứ có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ công cộng hỗn hợp cho khu vực nông thôn.

Thiết lập vành đai xanh dọc theo sông Nhuệ kết nối các không gian mở và hệ thống công viên đô thị tạo vùng đệm và là không gian cách biệt giữa đô thị lõi lịch sử với phần mở rộng mới của đô thị hạt nhân trên tuyến vành đai IV tránh

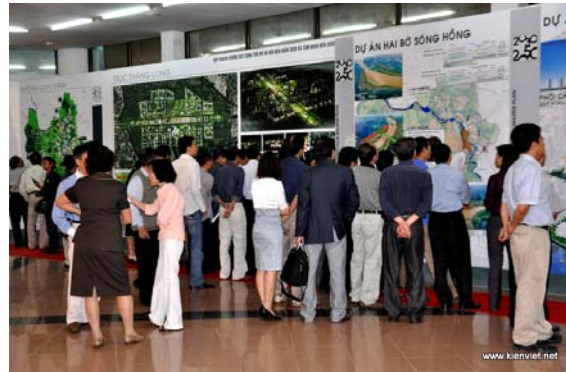
việc phát triển theo vết dầu loang. Vành đai xanh dọc sông Nhuệ sẽ giảm tối đa mật độ xây dựng, tiến tới không phát triển dân cư đô thị chỉ có các công trình công cộng sinh thái cây xanh và mặt nước,

Phát triển mạng lưới giao thông hiện đại, nâng cấp và bổ sung mới hệ thống đường quốc lộ, đường vành đai, đường cảnh quan và hệ thống giao thông công cộng lớn để kết nối thuận tiện đô thị hạt nhân, đô thị vệ tinh và toàn bộ khu vực khác trong và ngoài thành phố Hà Nội.

Xây dựng trục Thăng Long kết nối giữa Ba Vì với trung tâm Ba Đình lịch sử. Ngoài chức năng về giao thông, đây cũng là trục không gian văn hóa kết nối văn hóa Thăng Long và văn hóa Xứ Đoài. Trên tuyến trục sẽ xây dựng mới công trình văn hóa, lịch sử và giải trí của cả nước và Hà Nội.

Hà Nội cũng sẽ hình thành hệ thống các khu hành chính, chính trị của Trung ương và thành phố, có hệ thống công sở hiện đại, với những kiến trúc đặc trưng tiêu biểu của thủ đô.

Vào năm 2030, Hà Nội sẽ là một thủ đô văn minh, với tổ chức xã hội phù hợp với trình độ tiên tiến về kinh tế tri thức và công nghệ thông tin, có những hệ thống công trình văn hóa tiêu biểu của cả nước. Hà Nội sẽ là thủ đô có không gian xanh, sạch, đẹp, hiện đại, có kiến



Quang cảnh Triển lãm

trúc đô thị mang dấu ấn của một thủ đô ngàn năm văn hiến và mang đậm bản sắc văn hóa của dân tộc.

Trong những ngày diễn ra triển lãm, lãnh đạo Bộ Xây dựng, UBND Thành phố Hà Nội sẽ có một số cuộc tiếp xúc, trực tiếp trả lời nhân dân, các cơ quan thông tin đại chúng về những điểm chưa rõ trong đồ án quy hoạch và cũng tiếp thu những ý kiến đóng góp từ trí tuệ xã hội nhằm hoàn thiện quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội.

Triển lãm mở cửa từ 8h00 đến 17h00 liên tục các ngày từ 21/4 đến 1/5 để lấy ý kiến góp ý của nhân dân.

Minh Tuấn

Hội nghị quốc tế “Cách tiếp cận mới và các giải pháp đổi mới hoạt động tư vấn”

Ngày 15/4/2010 tại Hà Nội đã khai mạc Hội nghị thường niên lần thứ 14 của Chương trình phát triển tư vấn kỹ thuật (TVKT) khu vực châu Á - Thái Bình Dương (TCDPAP) với chủ đề “Cách tiếp cận mới và các giải pháp đổi mới hoạt động tư vấn” do Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam (VECAS) đăng cai tổ chức và sự phối hợp của TCDPAP. Hội nghị được tổ chức nhân Đại hội nhiệm kỳ IV Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam và Hội nghị thường niên Ban chấp hành TCDPAP. Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây

dựng Cao Lại Quang đã đến dự và phát biểu khai mạc Hội nghị.

Đến dự Hội nghị còn có ngài Karamat Ullah Chaudhry - Chủ tịch Ban chấp hành TCDPAP; ông Nguyễn Cảnh Chất - Chủ tịch Hiệp hội Tư vấn xây dựng Việt Nam, đại diện lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT).

Tham dự Hội nghị có các đoàn đại biểu của các quốc gia thành viên của TCDPAP: Ấn Độ, Bangladesh, Trung Quốc, Hồng Kông, Malaixia,

Việt Nam, Myanma, Nêpan, Sri Lanca, Thái Lan.

Hội nghị lần này nhằm đưa ra cách tiếp cận mới cho ngành tư vấn từ đó tìm ra giải pháp đổi mới hoạt động của ngành cho phù hợp với quá trình toàn cầu hoá. Đây là cơ hội để các doanh nghiệp tư vấn của các quốc gia thành viên của TCDPAP chia sẻ kinh nghiệm, tạo lập mối quan hệ hợp tác kinh doanh trong khu vực và quốc tế.

Nội dung của Hội thảo tập trung vào 4 chủ đề chính là: Đổi mới để phát triển bền vững; Tiếp cận và đổi mới hoạt động tư vấn; Quản lý nguồn nhân lực; Môi trường pháp lý.

Trong hoạt động đầu tư phát triển, TVKT luôn giữ vai trò đặc biệt, quyết định sự thành công và hiệu quả đầu tư, đảm bảo tuổi thọ công trình, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường sinh thái. Những năm qua ngành TVKT đã phát triển nhanh chóng, có những đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia và trong khu vực.

Với chủ đề “Cách tiếp cận mới và giải pháp đổi mới hoạt động tư vấn”, Hội nghị góp phần xác định vị trí, trách nhiệm của TVKT, phổ biến các bài học kinh nghiệm, đưa ra những vấn đề cần điều chỉnh, đổi mới nhằm hoàn thiện hơn nữa phương thức cung cấp dịch vụ. Hiện tại TVKT mới chỉ cung cấp các dịch vụ cho giai đoạn lập dự án đầu tư, khảo sát thiết kế và triển khai xây dựng công trình, các dịch vụ tư vấn để quản lý, khai thác hiệu quả các dự án sau giai đoạn đầu tư còn hạn chế, cần được nghiên cứu bổ sung. Để được xã hội tin dùng, TVKT phải tự mình vươn lên, tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, kinh tế thị trường, không ngừng đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm.

Phát triển kinh tế và xã hội đều hướng tới mục đích phát triển con người, đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại và thế hệ tương lai. Đây cũng là nội dung cơ bản của phát triển bền vững. Chỉ có phát triển bền vững mới đảm bảo ổn định, cân bằng và lâu dài cho phát triển của

các quốc gia. Hầu hết các quốc gia thực hiện phát triển kinh tế, xã hội đều dựa vào ba nguồn lực chính là con người, tài nguyên và cơ chế chính sách. Trách nhiệm của những người làm TVKT là tham mưu cho Nhà nước, cho các chủ đầu tư khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát và xử lý hiệu quả ô nhiễm, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang đề nghị các kỹ sư, kiến trúc sư bằng lao động của mình hãy tạo ra nhiều dự án, nhiều công trình thân thiện, tạo ra môi trường sống hài hoà giữa con người và thiên nhiên. Để hoàn thành sứ mệnh này, các tổ chức, doanh nghiệp tư vấn cần đầu tư đào tạo đội ngũ những người làm tư vấn có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, xây dựng và thực hiện tốt các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nâng cao giá trị và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Với trách nhiệm là cơ quan quản lý ngành, nhiều năm qua Bộ Xây dựng đã tham mưu và trực tiếp xây dựng, ban hành nhiều chính sách cởi mở, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho hoạt động tư vấn. Bộ Xây dựng cũng khuyến khích việc liên kết, hợp tác giữa tư vấn trong nước và quốc tế nhằm chuyển giao công nghệ, chia sẻ kinh nghiệm, tạo thị trường, bổ sung nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của các dự án và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Báo cáo tham luận của các đoàn đại biểu quốc tế và trong nước cho thấy cách tiếp cận mới đối với TVKT phải là hướng tới sự phát triển bền vững. Với mục tiêu phát triển bền vững các tiêu chí hoạt động của TVKT sẽ trở nên rõ ràng và hệ thống, hoạt động của các nhà TVKT sẽ đem lại hiệu quả nhiều hơn cho đất nước.

Với cách tiếp cận mới, TVKT cần phải đổi mới các giải pháp hoạt động kinh doanh. TVKT cần đổi mới giải pháp cung cấp dịch vụ tư vấn, trong đó yếu tố dịch vụ cần phải được hiểu rõ

hơn và đề cao hơn trong hoạt động tư vấn. Để đóng góp được nhiều cho phát triển bền vững các công ty tư vấn phải đủ lớn mạnh và yếu tố con người phải được thực sự tôn trọng thể hiện qua phương thức quản lý và đào tạo của các công ty.

Một trong những điều quan trọng đối với công ty TVKT là công tác quản trị nguồn nhân lực. Nhân lực của cty phải được sắp xếp hợp lý, được làm việc trong điều kiện và không khí lao động tốt, dưới sự quản lý chặt chẽ và mềm mại của cty để có thể phát huy tối đa năng suất lao động. Nguồn nhân lực phải được làm tươi mới thông qua công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, văn hoá của cty và phải được bổ xung thường xuyên theo sự đòi hỏi của công việc.

Xây dựng mô hình dịch vụ tư vấn hiện đại cho ngành xây dựng Việt Nam cũng là một trong những vấn đề được thảo luận và chia sẻ tại Hội thảo. Các báo cáo đã đề cập các tiêu chí và kinh nghiệm xác định mô hình dịch vụ tư vấn hiện đại và mô hình cty tư vấn bền vững.

Với việc chia sẻ kinh nghiệm của mình, Hội nghị quốc tế “Cách tiếp cận mới và các giải pháp đổi mới hoạt động tư vấn” là cơ hội thuận lợi để các doanh nghiệp tư vấn, các nhà quản lý, chuyên gia tư vấn đề cập và thảo luận những cái nhìn mới, các giải pháp mới cho ngành cung cấp dịch vụ TVKT hướng tới sự phát triển bền vững.

Huỳnh Phước

Hội nghị “Công bố kết quả rà soát TTHC Giai đoạn II thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng”

Sáng 28/04/2010, Hội nghị “Công bố kết quả rà soát Thủ tục hành chính (TTHC) Giai đoạn II thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng” đã được tổ chức tại Bộ Xây dựng. Tới dự Hội nghị có Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, ông Ngô Hải Phan - Tổ phó Tổ công tác chuyên trách cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ, ông Vũ Văn Phấn - Chánh Văn phòng - Tổ trưởng Tổ Đề án 30 của Bộ Xây dựng cùng đại diện các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng.

Thay mặt Tổ Đề án 30 - cải cách TTHC của Bộ Xây dựng, ông Vũ Văn Phấn đã báo cáo kết quả rà soát Giai đoạn II của Bộ Xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 14/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về công bố Bộ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, Bộ đã chỉ đạo tiến hành rà soát 101 TTHC đã công bố.

Theo kết quả rà soát, Bộ Xây dựng kiến nghị loại bỏ ra ngoài danh mục TTHC đã công bố là



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị

06 thủ tục vì những thủ tục này không thuộc phạm vi đối tượng của Đề án 30, bao gồm: Tiếp nhận báo cáo của chủ đầu tư về chất lượng công trình xây dựng; Tiếp nhận và quản lý giấy chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và giấy chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; Tiếp nhận báo cáo

nhanh sự cố công trình xây dựng; Bổ sung mỏ khoáng sản làm VLXD vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD; Bổ sung dự án mới vào quy hoạch phát triển ngành công nghiệp xi măng Việt Nam; Thỏa thuận cấp phép khai thác mỏ để sản xuất sản phẩm đá, phụ gia và VLXD.

Số lượng TTHC đã loại bỏ theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật là 23 thủ tục, trong đó 18 TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh và UBND cấp huyện về “Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng đối với tổ chức, cá nhân”. 05 thủ tục thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương, Bộ Công an về chấp thuận áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài.

Số TTHC còn lại cần rà soát là 72 thủ tục, trong đó có 14 thủ tục ưu tiên và 58 TTHC khác

Trong số 14 thủ tục ưu tiên có 03 mẫu đơn, 01 yêu cầu điều kiện, số lượng TTHC kiến nghị giữ nguyên là 03 thủ tục về điều chỉnh giấy phép xây dựng ở 3 cấp chính quyền; số lượng- TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung là 06 thủ tục, kiến nghị bãi bỏ 05 thủ tục gồm: Lấy ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng các nguồn vốn không phải vốn ngân sách; Lấy ý kiến về thiết kế cơ sở các dự án nhóm B,C sử dụng các nguồn vốn không phải vốn ngân sách; Gia hạn giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh; Gia hạn giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện; Gia hạn giấy phép xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND xã;

Về kết quả rà soát 58 TTHC còn lại, trong 58 thủ tục có 22 mẫu đơn, tờ khai, 23 TTHC có yêu cầu điều kiện với tổng số 57 yêu cầu. Bộ Xây dựng kiến nghị giữ nguyên 01 thủ tục là Thủ tục về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê theo Nghị định số 61/CP; kiến nghị sửa đổi, bổ sung 47 thủ tục, bãi bỏ 05 thủ tục, hợp nhất 05 thủ tục.

Từ những kết quả đạt được, chi phí tuân thủ TTHC dự kiến được cắt giảm từ kết quả rà soát, phương án kiến nghị đơn giản hóa TTHC nêu trên là khoảng 2.415 tỷ đồng/năm, tương đương 41,7%.

Kết thúc Giai đoạn II của Đề án 30, Bộ Xây dựng cùng tổ cải cách TTHC của Bộ tiếp tục tập trung triển khai những nhiệm vụ tiếp theo sau khi Tổ công tác chuyên trách của Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng tư vấn cải cách TTHC nghiên cứu góp ý về kết quả tự rà soát của Bộ Xây dựng, Bộ sẽ tập trung nghiên cứu các ý kiến góp ý đề hoàn thiện phương án đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ và báo cáo tổng hợp kết quả tính toán chi phí tuân thủ TTHC để trình Chính phủ xem xét, quyết định. Các Cục, Vụ và cá đơn vị của Bộ theo chức năng nhiệm vụ được giao có TTHC trong phương án đơn giản hóa phải tập trung tiến hành phân loại các thủ tục trong các văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ, thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Quốc hội; nghiên cứu dự thảo các văn bản thực thi phương án đơn giản hóa TTHC (sửa đổi, bổ sung, thay thế, loại bỏ), đồng thời có trách nhiệm chủ động rà soát các văn bản QPPL hiện hành và các văn bản QPPL mới, nếu có TTHC chưa được công bố (hoặc còn thiếu nếu có) hoặc mới phát sinh thì cần bổ sung để phối hợp với Tổ đề án 30 của Bộ kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, công bố và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Phát biểu tại Hội nghị Ông Ngô Hải Phan đã chúc mừng những kết quả mà Bộ Xây dựng và Tổ Đề án 30 của Bộ đã đạt được, đồng thời đánh giá cao sự quan tâm, giúp đỡ, chỉ đạo sát sao của lãnh đạo Bộ cùng các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng dành cho Tổ Đề án 30 trong thời gian qua để Bộ Xây dựng đạt được những kết quả xuất sắc trong Giai đoạn II của Đề án 30.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đã cảm ơn đến Tổ chuyên trách

cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã giúp đỡ Bộ Xây dựng trong việc rà soát các TTHC, biểu dương các cán bộ Tổ Đề án 30 của Bộ Xây dựng cùng các đơn vị liên quan đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ đề ra một cách nghiêm túc, đúng đắn, khẩn trương. Thứ trưởng Cao Lại Quang cũng khẳng định công tác cải cách TTHC còn lâu dài và còn nhiều khó khăn,

vì vậy sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các đơn vị phải phối hợp chặt chẽ với Tổ Đề án 30 để có được những kết quả thiết thực hơn, nhằm đem lại lợi ích cho người dân và các doanh nghiệp./.

Quỳnh Anh

Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2009 và mục tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2010 của Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng

Ngày 9/4, TCty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (LICOGI) đã tổ chức Hội nghị tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2009 và mục tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2010. Đến dự có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Cao Lại Quang, Chủ tịch Công đoàn ngành Xây dựng Việt Nam Nguyễn Văn Bình, Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam Dương Khánh Toàn và đại diện các TCty thành viên thuộc tập đoàn.

Báo cáo tại hội nghị, Q.Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCty LICOGI Vũ Tiến Giao cho biết: Năm 2009 đánh dấu một bước quan trọng trong thời kỳ tăng trưởng 2006 - 2010 của LICOGI. Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng đó nên ngay từ đầu năm, TCty đã đánh giá, rà soát, cân đối các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2009 cho phù hợp với tình hình thực tế, chủ động đề ra các giải pháp cụ thể để đảm bảo tính khả thi của các chỉ tiêu kế hoạch, không chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng, thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề ra đảm bảo ổn định và không ngừng phát triển. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của lãnh đạo TCty và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ, năm qua TCty đã không ngừng phát huy những thành tích đã đạt được một số kết quả đáng kể. Các chỉ tiêu kế hoạch đều vượt kế hoạch năm và tăng trưởng so với năm trước đó. Cụ thể, sản lượng đạt 5.750 tỷ đồng (bằng



Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội nghị

105% so với kế hoạch năm), doanh thu đạt 4.556 tỷ đồng (118 %), lợi nhuận đạt 310 tỷ đồng (107), nộp ngân sách 272 tỷ đồng (129%), vốn đầu tư và phát triển đạt 1.071 tỷ đồng (162 %), thu nhập bình quân đạt 3,2 triệu đồng/ người/ tháng.

Cũng theo ông Giao, mục tiêu TCty đặt ra trong năm 2010 là tiếp tục củng cố lực lượng, lấy hiệu quả trong sản xuất kinh doanh là mục tiêu hàng đầu, phấn đấu đạt giá trị sản lượng 6.445 tỷ đồng, tăng 12 % so với thực hiện năm 2009. Lĩnh vực sản xuất xây lắp vẫn là hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

Phát biểu tại hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đánh giá cao những thành tích mà Tổng công ty LICOGI đã đạt được trong năm 2009 đồng thời chỉ đạo TCty chú trọng sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp



*Q. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Vũ Tiến Giao
bào cáo tại Hội nghị*

nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong năm 2010 này. TCty cần tăng tỷ lệ đầu tư trong hoạt động SXKD, đặc biệt là trong những lĩnh vực sở trường của mình. Tham gia Tập đoàn CNXD Việt Nam, LICOGI cùng các TCty khác chắc chắn sẽ có sự phối hợp chặt chẽ với Cty mẹ - Tập đoàn Sông Đà, tạo nên sức mạnh của Tập đoàn, phát huy được thế mạnh của từng TCty, đem lại lợi ích cao nhất cho doanh nghiệp cũng như cho người lao động.

Ghi nhận những nỗ lực và thành tích mà các tập thể, cá nhân thuộc TCty đạt được, Chủ tịch nước đã tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Q.Chủ tịch HĐQT TCty Vũ Tiến Giao và 4 cá nhân khác được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Các Cty LICOGI 13, LICOGI 16, LICOGI 18 được Bộ Xây dựng tặng Cờ Đơn vị xuất sắc. Công đoàn TCty được tặng cờ xuất sắc của Tổng LĐ Lao động Việt Nam...

Năm 2010 là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước như Lễ hội 1000 năm Thăng Long - Hà Nội, 65 năm thành lập nước,... đặc biệt đây cũng là năm đánh dấu bước trưởng thành của TCty (1960 - 2010) với 50 năm xây dựng và phát triển. Toàn thể CBCNV của LICOGI phấn đấu quyết tâm giành thắng lợi, hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 với mục tiêu an toàn, chất lượng và hiệu quả trên tất cả các công trình, dự án mà TCty và các đơn vị thành viên đang thi công và làm chủ đầu tư.

Huỳnh Phước

Thị trấn Hậu Nghĩa được công nhận là đô thị loại IV

Ngày 9/4/2010, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có quyết định số 438/QĐ-BXD công nhận thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An là đô thị loại IV.

Thị trấn Hậu Nghĩa là thị trấn huyện lỵ, là đô thị loại IV trong hệ thống đô thị của tỉnh Long An, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại, dịch vụ của huyện Đức Hoà, đồng thời là một trong những đô thị có đóng góp cao nhất vào ngân sách của tỉnh. Trong giai đoạn trước, đô thị Hậu Nghĩa đã từng là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Hậu Nghĩa cũ, do đó cơ sở vật chất, đường sá, cây xanh của thị trấn khá khang trang.

Thị trấn nằm trên các tuyến giao thông - kinh tế quan trọng mang tính quốc gia (đường Hồ Chí Minh) từ Chơn Thành đi Đức Hoà, ngoài ra đường vành đai 4 của TP. Hồ Chí Minh cũng có tuyến đi theo đường tránh thị trấn Hậu Nghĩa.

Hiện nay, thị trấn đang phát triển mạnh về hướng Đông, tiếp cận đường vành đai 4 của TP. Hồ Chí Minh và Khu công nghiệp (KCN) Đức Hoà 3 trên tỉnh lộ 823. Dọc theo đường ranh giới với TP. Hồ Chí Minh đã hình thành các KCN Đức Hoà 1,2,3. Riêng KCN Đức Hoà 3, cách thị trấn có 7 km, có quy mô 2.300 ha và KCN công nghệ cao quy mô 2.200 ha, dự kiến thu hút khoảng 200.000 dân, đã ảnh hưởng rất lớn đến việc giải quyết tập trung nhà ở công nhân, các công trình dịch vụ và phúc lợi công cộng trên địa bàn thị trấn, là nơi đáp ứng phát triển xây dựng nhà ở, phục vụ nghỉ ngơi sau giờ làm việc của công nhân các KCN kể trên, kể cả KCN Tây - Bắc của TP. Hồ Chí Minh.

Trong các chương trình, kế hoạch phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn, Đảng bộ và chính quyền tỉnh Long An và cấp huyện đều

nhất trí xây dựng Hậu Nghĩa thành đô thị loại IV vào năm 2010 và nâng thành đô thị loại III vào năm 2015, trở thành thị xã, là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội khu vực phía Tây của tỉnh. Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hậu Nghĩa đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Long An phê duyệt sẽ là cơ sở để lập chương trình phát triển Thị trấn trở thành đô thị văn minh, hiện đại.

Sự phát triển của TP. Hồ Chí Minh nói chung và của công nghiệp địa bàn trọng điểm phía Nam nói riêng, tạo thời cơ thuận lợi thúc đẩy sự phát triển của huyện Đức Hoà và thị trấn Hậu Nghĩa, không những góp phần đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế của tỉnh mà còn tạo cơ hội thu hút khả năng liên doanh liên kết với các nước và với thành phố, đồng thời đẩy nhanh tiến trình đô thị hoá trên địa bàn huyện. Đặc biệt trong công cuộc đổi mới cùng với chính sách hoà nhập, toàn cầu hoá, khu vực hoá, đã tạo cơ hội để Thị trấn thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài nếu điều kiện kết cấu hạ tầng được đáp ứng tốt.

Được sự hỗ trợ của tỉnh và huyện Đức Hoà, trong những năm qua sau khi được công nhận là đô thị loại V, Thị trấn đã tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt trong những năm gần đây Thị trấn tập trung cao cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị và tăng cường quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch, đảm bảo đô thị phát triển bền vững, đồng thời coi trọng phát huy nội lực, khuyến khích và khai thác tốt nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở, xây dựng các công trình công cộng, hành chính mới.

Những nỗ lực của Thị trấn đã đạt được những kết quả tích cực. Tăng trưởng kinh tế bình quân năm 2008 đạt 18,4%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của giai đoạn 2004 - 2008 là 18,36%, trong đó nhịp độ tăng trưởng bình quân của lĩnh vực nông nghiệp là 4,8%, công nghiệp - xây dựng là 27,3%, thương mại - dịch vụ là 18,3%. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2009

theo chuẩn mới là 4,4%. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2008 đạt gần 28,07 tỷ đồng/năm; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư. Thu nhập bình quân đầu người năm 2008 là 1.073 USD. Dân số đô thị đạt 51.893 người; mật độ dân số đô thị đạt 6.159 người/km².

Những năm qua Thị trấn đã tích cực đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị. Diện tích xây dựng nhà ở đạt 18,37 m²/người. Tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố khu vực nội thị đạt 82,12%. Thị trấn hiện là đầu mối giao thông vận tải, là địa bàn trung chuyển hàng nông sản. Tỷ lệ đất giao thông nội thị so với đất xây dựng nội thị đạt 16,08%; mật độ đường nội thị là 7,23 km/km².

Việc bảo tồn kiến trúc cảnh quan đô thị được thị trấn tiến hành thông qua thực hiện Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị đã được UBND huyện Đức Hoà ban hành theo Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009. Quy chế được thực hiện dưới hình thức quản lý quy hoạch và cấp giấy phép xây dựng, trong đó có việc quản lý sự phù hợp về phân khu chức năng quy hoạch, về các khu vực đặc thù, phân vùng kiểm soát phát triển, về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, tầng cao xây dựng, các quy định về kiến trúc, cảnh quan môi trường đô thị.

Bên cạnh đó, Thị trấn cũng đã có những giải pháp, biện pháp tiếp tục đầu tư phát triển để trong thời gian ngắn sắp tới sẽ khắc phục được những tiêu chí còn yếu như nhà ở kiên cố, giao thông, xử lý chất thải và rác thải,....

Phát biểu tại Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Hậu Nghĩa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV diễn ra tại Bộ Xây dựng vào ngày 8/4/2010 vừa qua, Thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã đánh giá cao và ghi nhận sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thị trấn trong đầu tư xây dựng và phát triển đô thị. Chính quyền Thị trấn cần tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, trong thời gian tới tiếp tục tập trung đầu tư xây

dựng để khắc phục những mặt còn yếu, trong đó chú ý vấn đề chỉnh trang đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân thông qua đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, giải quyết vấn đề nhà ở bức xúc của công nhân, đặc biệt là vấn đề cấp nước sạch, xử lý nước thải và rác thải, đồng thời cần chú ý hơn đến quy hoạch, xây dựng quy chế quản lý và kêu gọi đầu tư từ nhiều nguồn vốn.

Việc thị trấn Hậu Nghĩa được công nhận là đô thị loại IV khẳng định những thành tựu mà Thị trấn đạt được trong thời gian qua, đồng thời

đặt ra cho Hậu Nghĩa những định hướng phấn đấu theo tiêu chí cao hơn để xứng đáng với vị thế mới. Điều này tạo cơ hội cho Thị trấn tiếp tục phát triển nhanh hơn và toàn diện hơn, phát huy tốt hơn lợi thế, vai trò, chức năng của một đô thị gắn liền với sự phát triển của khu kinh tế trọng điểm của huyện Đức Hoà, của tỉnh Long An và các vùng kinh tế trọng điểm Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Huỳnh Phước

Thị trấn Ngã Năm - tỉnh Sóc Trăng được công nhận là đô thị loại IV

Ngày 22/4/2010 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 474/QĐ-BXD công nhận thị trấn Ngã Năm huyện Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng là đô thị loại IV.

Thị trấn Ngã Năm là trung tâm hành chính, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật của huyện Ngã Năm, là trung tâm tổng hợp kinh tế, thương mại dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của vùng liên huyện phía Tây của tỉnh Sóc Trăng và các huyện thuộc tỉnh lân cận; Thị trấn là đầu mối giao thông quan trọng của tiểu vùng phía Tây sông Hậu và vùng liên tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Với đặc thù sông nước hết sức độc đáo Thị trấn còn là điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước, góp phần phát triển văn hoá du lịch của vùng.

Thị trấn là nằm ở vị trí giao nhau giữa các địa phương trong vùng nên tiềm năng và điều kiện phát triển kinh tế rất năng động. Là một đô thị nằm trên các tuyến giao thông thuỷ bộ quan trọng của tỉnh và tiểu vùng phía Tây sông Hậu đã tạo cho Thị trấn một vị trí chiến lược của huyện trong phát triển toàn diện kinh tế, văn hoá, xã hội của khu vực tam giác nông thôn Sóc Trăng - Bạc Liêu - Hậu Giang. Đặc biệt, Thị trấn có năm ngã sông là trung tâm giao thương nối liền các huyện, tỉnh lân cận.

Trong những năm vừa qua đặc biệt là từ năm 2004 sau khi huyện Ngã Năm được tái lập, huyện và Thị trấn đã tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng Thị trấn có một diện mạo mới, tương xứng với một trung tâm huyện lỵ của tỉnh. Hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, kiện toàn; tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm khá cao; bộ mặt văn hoá - xã hội có sự thay đổi đáng kể; quốc phòng - an ninh ổn định; trật tự xã hội được đảm bảo; sự quản lý của Nhà nước, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể ngày càng được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm đạt 12,11%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý. Tổng thu của Thị trấn năm 2009 đạt 59.519 tỷ đồng; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người năm 2009 là 672 USD/người; tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 là 6%. Tính đến năm 2009 dân số của Thị trấn là 25.165 người, mật độ dân số là 8.033 người/km²; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 75%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 79,8%.

Do được quan tâm đầu tư thích đáng nên việc phát triển hạ tầng đô thị đã có đạt những kết quả khả quan. Hiện tại tổng diện tích sàn nhà ở là 273.190 m²; diện tích sàn nhà ở tính trung bình đạt 13,6 m²/người; tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố là gần 60%. Đất xây dựng công

trình dịch vụ công cộng đô thị đạt 7,1 m²/người; đất dân dụng nội thị là 124,5 m²/người. Hầu hết các đường phố, ngõ xóm đã được chiếu sáng.

Với phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đã góp phần tích cực cho việc phát triển hạ tầng giao thông. Tỷ lệ đất giao thông đô thị và hệ thống giao thông thủy/đất xây dựng đô thị đạt 19,92%; diện tích đất giao thông/dân số nội thị là 16,21 m²/người. Hệ thống đường sá được mở rộng đến mọi nơi. Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt đã và đang giữ vai trò là hệ thống giao thông thủy quan trọng trong vận chuyển hàng hoá, hành khách. Diện tích giao thông thủy là 19,88 ha, chiếm tỷ lệ 7,4% đất xây dựng đô thị.

Việc xây dựng phát triển các khu dân cư trên địa bàn đã cơ bản phù hợp và tuân thủ quy chế quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị. Nhiều khu dân cư trên địa bàn đã và đang được triển khai cải tạo, chỉnh trang theo quy hoạch chung. Các tuyến phố chính có kiến trúc mặt phố hài hoà, đảm bảo mỹ quan đô thị về chiếu sáng, cây xanh, tường rào công trình. Thị trấn có công viên, không gian mở làm nơi vui chơi giải trí phục vụ đời sống tinh thần nhân dân.

Tại cuộc họp thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Ngã Năm đạt tiêu chí đô thị loại IV do Bộ Xây dựng tổ chức tại Hà Nội, Thứ trưởng

Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Chủ tịch Hội đồng thẩm định đánh giá cao vị thế của Thị trấn và nhấn mạnh Thị trấn cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề môi trường, đặc biệt là xử lý rác thải và nước thải. Đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng và cần cấp thiết thực hiện vì Thị trấn có hệ thống sông nước hết sức độc đáo nhờ đó mà trở thành trung tâm giao thương nối liền các huyện, tỉnh lân cận, hệ thống giao thông đường thủy quan trọng của tiểu vùng phía Tây sông Hậu và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính quyền và các đoàn thể của thị trấn Ngã Năm cần tập trung nhiều nỗ lực hơn cho xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển kinh tế để nâng cao đời sống cho nhân dân.

Được công nhận là đô thị loại IV, thị trấn Ngã Năm sẽ được định hướng phát triển và đầu tư nâng cấp về mọi mặt theo các tiêu chí cao hơn, quan đó sẽ mang lại bộ mặt đô thị văn minh, hiện đại và cuộc sống tốt, tiện nghi hơn cho cư dân đô thị; đồng thời tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm tổng hợp của huyện và của vùng liên huyện, liên tỉnh tại khu vực phía Tây tỉnh Sóc Trăng, có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực.

Huỳnh Phước

Công cuộc xây dựng đô thị, nông thôn tỉnh Vân Nam có những sáng tạo mới, phát triển khởi sắc

Trải qua 60 năm kể từ khi nước CHND Trung Hoa được thành lập, đặc biệt qua 30 năm cải cách mở cửa, công cuộc xây dựng nhà ở của tỉnh Vân Nam đã giành được nhiều thành tựu to lớn, công tác quy hoạch đô thị và nông thôn được tăng cường, thúc đẩy sự phát triển các đô thị trung tâm của khu vực, số lượng các đô thị vừa và nhỏ không ngừng tăng thêm, xây dựng các thị trấn nông thôn có nhiều tiến triển tích cực, bộ mặt đô thị và nông thôn có sự thay đổi rõ rệt. Song song với đó, chức năng phục vụ

của đô thị ngày càng hoàn thiện, ngành nhà ở phát triển nhanh chóng, công tác xây dựng nhà ở mang tính bảo đảm được tăng cường, môi trường sinh thái được cải thiện vững chắc, đóng góp tích cực cho việc cải thiện môi trường cư trú của nhân dân.

I. Tiến trình đô thị hóa được đẩy mạnh

Vào thời kỳ đầu khi nước CHND Trung Hoa mới thành lập, công tác xây dựng đô thị của tỉnh Vân Nam rất trì trệ, tỷ lệ đô thị hóa chỉ đạt 4,8%. Trừ thành phố Côn Minh, nhiều khu vực xa xôi

của tỉnh Vân Nam ở trong tình trạng rất lạc hậu. Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, công tác xây dựng đô thị của tỉnh Vân Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và nhanh chóng lớn mạnh. Đặc biệt từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ XI khóa III tới nay, tỉnh Vân Nam bước vào giai đoạn phát triển đô thị hóa nhanh chóng nhất, ổn định nhất. Đến cuối năm 2008, tỷ lệ đô thị hóa của Vân Nam đạt 33%, bước đầu hình thành một hệ thống đô thị gồm 1 đô thị cực lớn, 4 đô thị trung bình, 12 đô thị nhỏ, 108 huyện thị, 1183 thị trấn nhỏ. Công tác xây dựng các thành phố trung tâm trong khu vực tiến triển vững chắc, quy mô các đô thị trung tâm khu vực như Côn Minh, Đại Lý, Khúc Tĩnh, Ngọc Khê, Mông Tự... không ngừng được mở rộng và có sức lan tỏa lớn. Thực hiện chiến lược hiện đại hóa thành phố Côn Minh, tỷ lệ đô thị hóa của Côn Minh đã đạt 59,1%; Thành phố Đại Lý tập trung xây dựng đô thị trung tâm Điện Tây - nơi được mệnh danh là “thành phố hấp dẫn nhất Trung Quốc”; Thành phố Khúc Tĩnh hai năm liên tục được bầu là “thành phố trong топ đầu về cư trú của Trung Quốc”; thành phố Ngọc Khê lấy xây dựng đô thị sinh thái Tam Hồ làm trọng điểm, được bình xét là “khu sinh thái gương mẫu cấp Nhà nước”; châu Hồng Hà đề ra chiến lược tổng thể “phát triển Mông Tự, xây dựng đô thị trung tâm Điện Nam”... huy động các nguồn vốn khác nhau cho việc xây dựng và phát triển đô thị, khiến bộ mặt đô thị đổi mới nhanh chóng.

Bên cạnh đó, tỉnh Vân Nam cũng tăng cường đầu tư phát triển các đô thị vừa và nhỏ trên toàn tỉnh, coi phát triển trung tâm hành chính đô thị và huyện thị là trọng tâm, xác định mục tiêu phát triển, biện pháp thực hiện theo hướng “làm rõ cá tính và bản sắc”. Nhờ đó, bộ mặt đô thị của Lệ Giang, Tư Mao, Sở Hùng... đã được thay đổi hàng ngày, các địa phương như An Ninh, Tiêm ích, Hội Trạch, Dị Môn, Di Cần, Đằng Xung... chú trọng xây dựng đô thị đậm nét văn hóa... môi trường sinh thái tốt đẹp, phát huy tác dụng quan trọng trong phát triển kinh tế khu vực.

II. Công tác quy hoạch đô thị và nông thôn tăng cường rõ nét

Các địa phương trên toàn tỉnh Vân Nam đã hết sức chú trọng và quan tâm đến công tác quy hoạch, hoàn thiện bộ máy quản lý quy hoạch, tăng cường đầu tư cho công tác quy hoạch, nâng cao chất lượng và trình độ lập quy hoạch, từng bước hoàn thiện hệ thống quy hoạch. Hiện nay, toàn tỉnh đã thành lập 60 Cục Quy hoạch, trong đó có 14 Cục Quy hoạch cấp thành phố, 46 Cục Quy hoạch cấp huyện, tìm mọi biện pháp để tập trung tiền vốn đầu tư cho quy hoạch. Tỉnh đã kiên trì mục tiêu quy hoạch phải đi trước, chú trọng biện pháp lập quy hoạch, hoàn thiện trình tự lập quy hoạch, tăng cường tính pháp lý và tính nghiêm túc của công tác lập quy hoạch. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế khu vực, Tỉnh Vân Nam đã triển khai công tác đánh giá và điều chỉnh “Quy hoạch hệ thống thành phố, thị trấn tỉnh Vân Nam”, hoàn chỉnh “Quy hoạch hành lang giao thông tổng hợp và khu vực tỉnh Vân Nam”, “Quy hoạch quần thể thị trấn Điện Trung”. Quy hoạch hệ thống 8 đô thị cấp thị trấn trong khu vực như Đại Lý, Bảo Sơn, Đức Hoàng, Lệ Giang, Lâm Thương, Bản Nạp, Địch Khánh, Nộ Giang... đã được tỉnh phê duyệt cho thực hiện. Tám đô thị khác đang trong quá trình soạn thảo quy hoạch và báo cáo xin phê duyệt. Công tác điều chỉnh và thẩm tra quy hoạch tổng thể đô thị có những tiến triển mới. Về cơ bản, các huyện thị đều đã hoàn thành nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch tổng thể đô thị thành phố Côn Minh đã được trình lên Quốc Vụ viện chờ phê duyệt, công tác quy hoạch đô thị và nông thôn tiếp tục được đẩy mạnh. Đa số các địa phương trong tỉnh đã hoàn thành công tác lập hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng ngắn hạn, quy hoạch xây dựng nhà ở, quy hoạch phòng chống thiên tai, quy hoạch giao thông tổng hợp, quy hoạch đất phủ xanh, các quy hoạch xây dựng công trình công cộng thị chính, công trình phục vụ công cộng..., bảo đảm cho quy hoạch tổng thể đô thị được thực

hiện theo từng giai đoạn. Công tác thẩm tra phê chuẩn quy hoạch chi tiết mang tính điều tiết tiến triển nhanh chóng, tỷ lệ quy hoạch chi tiết đô thị trong toàn tỉnh đạt gần 50%. Công tác lập quy hoạch thị trấn nông thôn ngày càng được đẩy mạnh. Toàn tỉnh có 5 huyện thị đã và đang soạn thảo quy hoạch hệ thống thị trấn nông thôn và quy hoạch xây dựng nông thôn; trong số các thị trấn nông thôn trừ 1175 huyện thị, đã có 846 thị trấn soạn thảo quy hoạch tổng thể, 342 thị trấn nhỏ soạn thảo quy hoạch xây dựng ngắn hạn, tỷ lệ hoàn thành soạn thảo quy hoạch tổng thể thị trấn nông thôn và quy hoạch xây dựng thị trấn nhỏ lần lượt đạt 72% và 29%; toàn tỉnh có 6881 thôn xóm tự nhiên đã lập quy hoạch xây dựng nông thôn, đạt tỷ lệ 5,13%.

III. Thành tích nổi bật của công tác phát triển các ngành sản xuất ở thị trấn

Trên cơ sở các ngành sản xuất và điều kiện tài nguyên, các địa phương đã kiên trì lấy thị trường làm phương hướng chỉ đạo, dựa vào những dự án, phát huy lợi thế so sánh, nhấn mạnh trọng điểm phát triển, tăng cường giúp đỡ các ngành sản xuất có lợi cho xây dựng đô thị. Ví dụ, thành phố Phồn Hưng tập trung phát triển các ngành trọng điểm như ngành thuốc bắc, luyện kim, khoáng sản, gia công thực phẩm sạch...; Vân Huyện, Thông Hải đi theo con đường công nghiệp hóa nông nghiệp, khu Hồng Tháp nhấn mạnh phát triển ngành sản xuất thuốc lá và các ngành liên quan, chú trọng phát triển các ngành có ưu thế như luyện thép, dược phẩm sinh học..., Nghi Uy, Nghi Nguyên đi theo con đường công nghiệp hóa kiểu mới; thành phố An Ninh được coi là thành phố tiên tiến có ưu thế các ngành sản xuất đặc thù ở khu vực phía Tây. Đằng Xung, Hương Cách Lý La và Cổ thành Lệ Giang ra sức phát triển các ngành sản xuất thứ ba mà trọng điểm là du lịch, làm sống động nền kinh tế địa phương, thúc đẩy xây dựng đô thị phát triển nhanh chóng.

IV. Tăng cường chức năng của đô thị

Các địa phương hết sức coi trọng xây dựng công trình hạ tầng đô thị và công tác phủ xanh,

làm đẹp, chiếu sáng đô thị, tăng cường cải thiện công trình giao thông, thông tin, cấp thoát nước..., giải quyết hữu hiệu những vấn đề nổi cộm trước đây như thiếu nước sinh hoạt, giao thông bất tiện và môi trường ô nhiễm. Tới cuối năm 2008, bộ mặt đô thị các thị trấn toàn tỉnh có nhiều thay đổi lớn lao, thực lực không ngừng được tăng cường, quy mô liên tục mở rộng, chức năng được cải thiện, môi trường trở nên trong sạch. Diện tích đô thị đạt 200,39 km², đường đô thị dài 7.994 km. Năng lực cung ứng nước sạch đô thị đạt 4,456 triệu tấn/ ngày, tỷ lệ phủ cấp nước máy đạt 91,17%; có 7 triệu người sử dụng khí ga; toàn tỉnh có 9.566 xe buýt đạt tiêu chuẩn; diện tích đất phủ xanh đô thị đạt 29.456 ha; tỷ lệ phủ xanh đô thị và tỷ lệ đất phủ xanh đô thị lần lượt đạt 24,54% và 20,49%. Đồng thời, 18 đô thị trong toàn tỉnh được danh hiệu “Thành phố (huyện thị) cây xanh tỉnh Vân Nam”, thành phố An Ninh được mệnh danh là “Thành phố cây xanh cấp Nhà nước”, 2 thành phố được giải thưởng tiêu biểu về môi trường cư trú Trung Quốc, diện tích nhà ở bình quân đầu người đô thị đạt 31,42 m².

Để cải thiện hữu hiệu môi trường sinh thái đô thị, Đảng ủy và chính quyền tỉnh đưa ra mục tiêu tới năm 2012 mọi đô thị từ cấp huyện thị trở lên đều có công trình xử lý nước thải và công trình xử lý rác thải. Chính quyền tỉnh thành lập tiểu tổ lãnh đạo và văn phòng xây dựng công trình xử lý nước thải và rác thải sinh hoạt đô thị, đề ra “Những ý kiến về việc xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt đô thị và tăng cường công tác quản lý”, quyết định từ năm 2008 tới năm 2012, ngân sách tỉnh hàng năm sẽ cấp 500 triệu NDT cho các dự án xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải đô thị. Văn phòng xây dựng nhà ở và xây dựng đô thị nông thôn tỉnh lập “Quy hoạch xây dựng công trình xử lý và tái sử dụng nước thải đô thị tỉnh Vân Nam 2008 - 2012” và “Quy hoạch xây dựng công trình xử lý và tái sử dụng rác thải đô thị tỉnh Vân Nam 2008 - 2012”, tăng cường tổ chức điều tiết và giám sát quản lý toàn bộ quá trình

xây dựng và vận hành công trình, đi đầu xây dựng và vận hành “hệ thống quản lý động thái công trình xử lý và tái sử dụng nước thải, rác thải đô thị tỉnh Vân Nam”. Tới cuối năm 2008, toàn tỉnh hoàn thành 99 dự án công trình xử lý nước thải, rác thải sinh hoạt, tổng cộng đầu tư 1,8 tỷ NDT, tỷ lệ xử lý nước thải đô thị toàn tỉnh đạt 42,1%, tỷ lệ xử lý không độc hại rác thải sinh hoạt đạt 35,2%.

V. Ngành nhà ở phát triển nhanh chóng

Sáu mươi năm qua, ngành nhà đất tỉnh Vân Nam cũng trải qua quá trình phát triển từ yếu đến mạnh nhanh chóng chưa từng thấy. Trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tỉnh Vân Nam đầu tư 78,94 triệu NDT cho xây dựng nhà ở, chiếm 7,12% tổng mức đầu tư tài sản cố định của toàn tỉnh, trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ hai, do ảnh hưởng của tư tưởng hữu khuynh “sản xuất trước, sinh hoạt sau” tỷ lệ đầu tư nhà ở của Vân Nam giảm sút, chỉ chiếm 3,8% tổng vốn đầu tư tài sản cố định của toàn tỉnh. Theo thống kê, trong 29 năm từ năm 1951 – 1978, diện tích nhà ở xây dựng mới tại các thành phố và khu công nghiệp của tỉnh Vân Nam chỉ là 31,4 triệu m². Từ khi mở cửa cải cách tới nay, ngành nhà ở tỉnh Vân Nam phát triển nhanh chóng. Năm 1981, Vân Nam đã thành lập công ty phát triển nhà đất đầu tiên của tỉnh. Năm

1983, loạt nhà đầu tiên đã đi vào lưu thông, đặt nền móng cho thị trường nhà đất phát triển. Năm 1995, toàn tỉnh hoàn thành đầu tư 3,623 tỷ NDT cho phát triển nhà đất. Năm 2003, chính quyền tỉnh triệu tập hội nghị công tác nhà đất toàn tỉnh, công bố “Quyết định của UBND tỉnh Vân Nam về việc nhanh chóng phát triển ngành nhà đất”, từ đó ngành nhà đất Vân Nam đi vào quỹ đạo phát triển lành mạnh, liên tục và ổn định. Năm 2008, toàn tỉnh hoàn thành đầu tư 55,759 tỷ NDT phát triển nhà đất, tăng trưởng 31,9% so với năm trước, đầu tư phát triển nhà đất chiếm tỷ trọng 18% trong tổng vốn đầu tư tài sản cố định đô thị. Công tác xã hội hóa, thị trường hóa, quy phạm hóa quản lý nhà đất phát triển nhanh chóng, toàn tỉnh có 897 doanh nghiệp nhà đất, trong đó có 6 doanh nghiệp cấp I, 46 doanh nghiệp cấp II, giá trị sản lượng lên tới gần 10 tỷ NDT với gần 100 nghìn nhân viên. Ngành nhà đất phát triển nhảy vọt, cải thiện đáng kể điều kiện cư trú của nhân dân. Đến cuối năm 2008, diện tích nhà ở bình quân đầu người đô thị tỉnh Vân Nam đã đạt 31,42m².

Phùng Chí Thành

Nguồn: T/C Xây dựng Đô thị - Nông thôn TQ
số 12/2009

ND: Hoàng Thế Vinh

Bàn về việc hoàn thiện hệ thống quản lý giá thành công trình xây dựng

Quản lý giá thành công trình xây dựng là hành vi nghiệp vụ và hoạt động tổ chức phù hợp với chính sách và quy luật khách quan, vận dụng nguyên lý và phương pháp khoa học đối với toàn bộ quá trình hình thành giá thành công trình xây dựng theo nguyên tắc thống nhất mục tiêu, các bên đều có trách nhiệm nhằm bảo đảm hiệu quả kinh tế của công trình xây dựng và lợi ích kinh tế của các bên hữu quan. Theo sau hệ thống kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa được xây dựng và phát triển, mô hình xây dựng

cơ bản của Trung Quốc cũng có nhiều thay đổi như đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, đa nguyên hóa chủ thể đầu tư, trao quyền quyết định đầu tư, thực hiện chế độ gọi thầu đấu thầu dự án, chế độ trách nhiệm pháp nhân dự án, chế độ giám sát quản lý xây dựng, chế độ quản lý hợp đồng xây dựng... Những thay đổi lớn lao đó đã thúc đẩy thị trường xây dựng phát triển lành mạnh. Nhưng nếu xem xét những cải cách của ngành Xây dựng từ trước cho đến nay, có thể thấy quản lý giá thành công trình xây dựng –

linh hồn của thị trường xây dựng, vẫn chưa đủ sâu, cơ bản còn thiếu nghiên cứu về cơ chế quản lý giá thành xây dựng trong điều kiện kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

I. Những vấn đề còn tồn tại trong quản lý giá thành công trình xây dựng.

1. Hệ thống giá cả trong ngành Xây dựng xa rời công tác tối ưu hóa phân phối tài nguyên ngành Xây dựng

Cơ chế giá xây dựng hiện nay của Trung Quốc điều chỉnh chi phí xây dựng thông qua định mức, thông báo giá và hệ số điều chỉnh giá, làm cho giá xây dựng cố định trong một thời gian dài. Cơ chế này không thể khiến cho quy luật giá trị phát huy vai trò điều tiết mối quan hệ cung cầu trên thị trường xây dựng. Ngoài ra, việc định mức tương đối cao, ở một chừng mực nào đó, đã bảo hộ doanh nghiệp xây dựng quốc doanh lớn và vừa. Tuy nhiên, do còn nhiều kẽ hở trong cơ chế quản lý giá đã tạo điều kiện cho các hành vi trục lợi, từ đó tạo ra rất nhiều doanh nghiệp cung cấp hàng hóa và dịch vụ xây dựng, làm cho thị trường xây dựng lớn về quy mô nhưng phát triển thiếu bền vững và lành mạnh.

2. Chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng mạnh đến thị trường xây dựng,

Đặc điểm của kinh tế thị trường là thông qua giá để phân phối tối ưu hóa tài nguyên, Nhà nước không trực tiếp quyết định giá mà thông qua chính sách kinh tế vĩ mô để chỉ đạo các hành vi kinh tế như đầu tư, sản xuất... Nhưng trong thời kỳ cải cách thể chế kinh tế, sự điều chỉnh chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến sự điều tiết giá xây dựng, đặc biệt là sau năm 1992, do cải cách thể chế đầu tư, thuế, tài chính, mậu dịch đối ngoại, lãi suất ... làm cho giá cả đều thay đổi nhiều, biến động giá vượt quá biên độ và phạm vi biến động thông thường trong bối cảnh thị trường quyết định giá cả.

3. Công tác quản lý giá thành công trình xây dựng yếu kém

Trong nền kinh tế thị trường, sự nắm bắt thông tin thị trường một cách kịp thời và chính xác là mấu chốt để doanh nghiệp, nhà thầu chiếm ưu thế cạnh tranh và giành được lợi nhuận. Sự yếu kém về quản lý giá thành công trình xây dựng có thể thấy ở những báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư không sát thực tiễn, thiết kế xây dựng thường không đạt yêu cầu, hay phải điều chỉnh, thiếu những quy định cụ thể của địa phương về dự toán công trình xây dựng dân dụng, hệ thống thông tin giá vật liệu xây dựng và thiết bị không hoàn chỉnh, chỉ số giả vật liệu không được công bố định kỳ để chỉ đạo công tác dự toán và điều chỉnh giá xây dựng.

4. Nhấn mạnh một cách phiến diện thị trường hóa cơ sở tính giá, xem nhẹ tác dụng của cơ sở tính giá trong quản lý giá thành công trình xây dựng.

Chịu ảnh hưởng từ thể chế kinh tế kế hoạch, công tác quản lý giá thành công trình của Trung Quốc luôn luôn coi trọng xác định giá thành trong giai đoạn thực hiện công trình, không coi trọng điều tiết giá một cách hữu hiệu. Do ảnh hưởng của phương thức quản lý này, một mặt, thiếu cơ sở tính giá cần thiết cho giai đoạn trước khi thực hiện dự án xây dựng, đó là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới hiện tượng biến động của giá cả, mặt khác, vì chỉ giới hạn quản lý giá thành công trình ở giai đoạn thực hiện công trình xây dựng nên đã khiến cho nhiều người có nhận thức sai lầm, hầu như cứ nhắc tới cải cách cơ sở tính giá là họ cho là doanh nghiệp tự chủ định giá và thị trường hình thành giá cả, chứ không xuất phát từ quan điểm quản lý toàn bộ giá thành công trình để cải cách cơ sở tính giá, vì họ chỉ chú trọng cải cách cơ sở tính giá trong giai đoạn thực hiện công trình, nhấn mạnh phiến diện thị trường hóa cơ sở tính giá, từ đó xem nhẹ tác dụng của cơ sở tính giá đối với việc điều tiết giá thành công trình trong giai đoạn trước khi thực hiện xây dựng.

II. Các biện pháp tăng cường quản lý giá thành công trình xây dựng

1. Quy phạm quản lý, xây dựng thị trường tư vấn giá thành công trình xây dựng

Hiện nay, công tác thực hiện các pháp quy, pháp luật về xây dựng chủ yếu dựa vào sự tuân thủ pháp luật của các đơn vị giám sát quản lý và tư vấn xây dựng, nhưng công tác giám sát quản lý còn tồn tại nhiều hạn chế, dẫn đến sự thiếu tuân thủ pháp luật của người dân và doanh nghiệp. Bởi vậy, ngoài các dự án lớn do Nhà nước đầu tư có thể do ngành giám sát quản lý giá của Nhà nước tham gia và quản lý toàn diện ra, các nghiệp vụ có liên quan tới giá xây dựng có thể bị đẩy ra thị trường tư vấn nhằm kích hoạt cơ chế quản lý giá thành công trình xây dựng. Sau khi thị trường này được hình thành, do phải đưa công tác thẩm tra xét duyệt dự toán xây dựng ra thị trường này, chính quyền cũng cần phải tăng cường giám sát quản lý và mở rộng phạm vi giám sát quản lý, từ đó hình thành cơ chế giám sát quản lý hoàn toàn mới; nếu doanh nghiệp không tuân thủ pháp luật, chính quyền có thể ràng buộc bằng pháp luật, phát huy triệt để hơn nữa chức năng điều tiết vĩ mô của chính quyền đối với giá xây dựng, thực sự phát huy tác dụng gìn giữ cho công tác tư vấn giá thành thực sự nghiêm túc và công bằng, bảo đảm quản lý hữu hiệu giá thành công trình xây dựng. Xây dựng thị trường hữu hình không những có thể mang lại môi trường cạnh tranh công bằng cho mọi đơn vị tư vấn giá thành công trình, mà đôi khi còn ngăn chặn hữu hiệu hành vi cạnh tranh không công bằng của các doanh nghiệp xây dựng nước ngoài.

2. Quản lý chặt chẽ hoạt động xây dựng, hạn chế những chi phí ngoài ngân sách

(a) Quản lý chặt những thay đổi, hạn chế ngân sách công trình nằm trong phạm vi dự toán. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những thay đổi trong thi công, ví dụ thiết kế công trình cầu thả khiến cho thực tế công trình không phù hợp với bản vẽ cung cấp khi giao khoán, tiêu chuẩn

quy cách vật liệu được cung ứng trên thị trường không phù hợp với yêu cầu thiết kế ..., những vấn đề này có thể dẫn tới nhiều tranh cãi về giá thành công trình. Vì vậy, trong quá trình thi công, phải quản lý chặt những thay đổi, nghiêm cấm thông qua thay đổi thiết kế để mở rộng quy mô xây dựng, nâng cao tiêu chuẩn thiết kế... Biện pháp tốt nhất là thực hiện chế độ "phân cấp quản lý, chứng nhận hạn mức". Đối với những thay đổi thiết kế buộc phải có, đặc biệt là những thay đổi thiết kế dẫn tới tăng giảm chi phí, phải được đại diện đơn vị thiết kế, đơn vị thi công, đơn vị giám sát cùng thống nhất ý kiến và ký tên, cố gắng thực hiện những thay đổi này trước khi thi công nhằm giảm bớt tổn thất do phải dỡ bỏ phần công trình đã thực hiện. Cho nên, đơn vị xây dựng cần phải có nhân viên chuyên quản lý giá thành công trình thường trực tại hiện trường thi công, sẵn sàng nắm bắt và quản lý tình hình thay đổi giá thành công trình.

(b) Quản lý chặt chẽ việc chứng nhận hiện trường, nắm vững mọi thay đổi của giá thành công trình. Trong quá trình thi công, đơn vị xây dựng phải tăng cường quản lý công tác thi công ở hiện trường, thi công theo đúng bản vẽ thiết kế, quản lý chặt chẽ việc đàm phán thương lượng về thay đổi, thay thế vật liệu, chứng nhận hiện trường, sử dụng nhân công ngoài định mức và các chi phí ngoài dự toán ngân sách; đối với những thay đổi cần thiết, phải dự toán trước rồi mới làm, hễ nảy sinh ra thay đổi, phải kịp thời tính toán chi phí tăng giảm do thay đổi lượng công việc, luôn nắm vững mức chi phí của dự án công trình, tránh dồn đống công việc, không tìm hiểu sát sao giá thành công trình. Đại diện của đơn vị xây dựng tại hiện trường cần phải đốc thúc bên thi công ghi chép thường xuyên, đặc biệt là ghi chép và chứng nhận về các công trình ngầm, giảm bớt tranh chấp khi quyết toán.

(c) Kết hợp kỹ thuật với kinh tế, tăng cường quản lý đầu tư. Thiết thực quản lý đầu tư, phải áp dụng các biện pháp như tổ chức, kỹ thuật, kinh tế, hợp đồng..., vì vậy đơn vị xây dựng cần

phải tăng cường, giáo dục tố chất, quan niệm “kinh tế”, bồi dưỡng tác phong làm việc thực sự cầu thị cho nhân viên quản lý hiện trường, nhân viên kỹ thuật, hợp tác giúp đỡ bên thi công làm tốt công tác tổ chức thi công, bố trí hợp lý nhân lực và vật tư, đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao chất lượng thi công. Khi gặp phải vấn đề trong thi công, phải kịp thời liên hệ với bên thiết kế, lựa chọn phương án giải quyết vừa khoa học vừa khả thi về kinh tế, khắc phục những lãng phí do chỉ đạo sai lầm gây ra, triệt để coi trọng tầm quan trọng của tiết kiệm đầu tư. Đặc biệt, các nhân viên kỹ thuật công trình của dự án phải kết hợp với nhân viên kinh tế, quản lý chặt giá thành công trình trong suốt quá trình từ gọi thầu công trình, đàm phán hợp đồng, dự toán giá thành, ký kết điều khoản tiến độ đến quyết toán hoàn thành công trình.

3. Xây dựng hệ thống quản lý giá thành công trình một cách khoa học

Kinh nghiệm quản lý giá thành công trình của nhiều nước trên thế giới đã chứng minh, xây dựng hệ thống quản lý giá thành một cách khoa học là mấu chốt thành công của công tác quản lý giá thành công trình. Vì vậy, trong cải cách quản lý giá thành công trình của Trung Quốc cần phải từng bước xây dựng hệ thống quản lý khoa học hoàn chỉnh. Xây dựng hệ thống quản lý khoa học cần bao gồm mấy mặt sau: xây dựng kho dữ liệu giá thành công trình và xây dựng hệ thống trao đổi thông tin; ra sức phát triển ngành tư vấn giá thành công trình; xây dựng và hoàn thiện chế độ chứng nhận năng lực kỹ sư định giá; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng.

Triệu Thụ Dương

Tạp chí “Xây dựng TQ” số 18/2009

ND: Hoàng Thế Vinh

TỔNG CÔNG TY LICOGI
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2009 TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ
KẾ HOẠCH NĂM 2010

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2010



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Q.Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Vũ Tiến Giao và Huân chương Lao động hạng Ba cho 4 đ/c lãnh đạo khác của TCty LICOGI.



Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình trao Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam cho Công đoàn Tổng công ty LICOGI